

**HỌC-VIỆN QUỐC-GIA HÀNH-CHÁNH  
SAIGON**

**LUẬN-VĂN TỐT NGHIỆP BAN ĐỐC SỰ**

---

**TƯƠNG-QUAN GIỮA  
LẬP-PHÁP VÀ HÀNH-PHÁP  
TRONG LÃNH-VỰC NGOẠI-GIAO**

THƯ-VIÊN QUỐC GIA  
VIỆT-NAM  
SS 0646



Sinh viên HUỖNH-TẤN-LÊ

KHÓA ĐỐC-SỰ XVII A.

1969 - 1972

THƯ VIỆN KHOA HỌC TỔNG HỢP  
LVHC 646

học viện quốc gia hành chánh  
không tán thành cũng không  
phản đối những ý kiến phát-  
biểu trong luận văn. những  
ý kiến đó do tác giả hoàn-  
toàn chịu trách nhiệm.

HƯỚNG DẪN

\*\*\*\*\*

GIAO SƯ TẠ VĂN TÀI

\* Tiên Sĩ Chánh Trị Học

THÀNH KÍNH TRI ÂN

GIÁO SƯ TẠ VĂN TÀI  
Tiến Sĩ Chánh Tri Học

⊙  
⊙ ⊙

ĐÃ TẬN TÌNH HƯỚNG DẪN CHÚNG TÔI  
HOÀN THÀNH TẬP LUẬN VĂN NÀY

THÀNH KÍNH TRÌ AN

- Cõ Giáo Sư NGUYỄN VĂN BỔNG  
Nguyên Viện Trưởng Học Viện  
Quốc Gia Hành Chánh
- Giáo Sư TRẦN VĂN BÌNH  
Nguyên Viện Trưởng Học Viện  
Quốc Gia Hành Chánh
- Giáo Sư NGUYỄN QUỐC TRỊ  
Viện Trưởng Học Viện Quốc Gia  
Hành Chánh
- Quý Vị Giáo Sư Học Viện Quốc Gia  
Hành Chánh

⊙

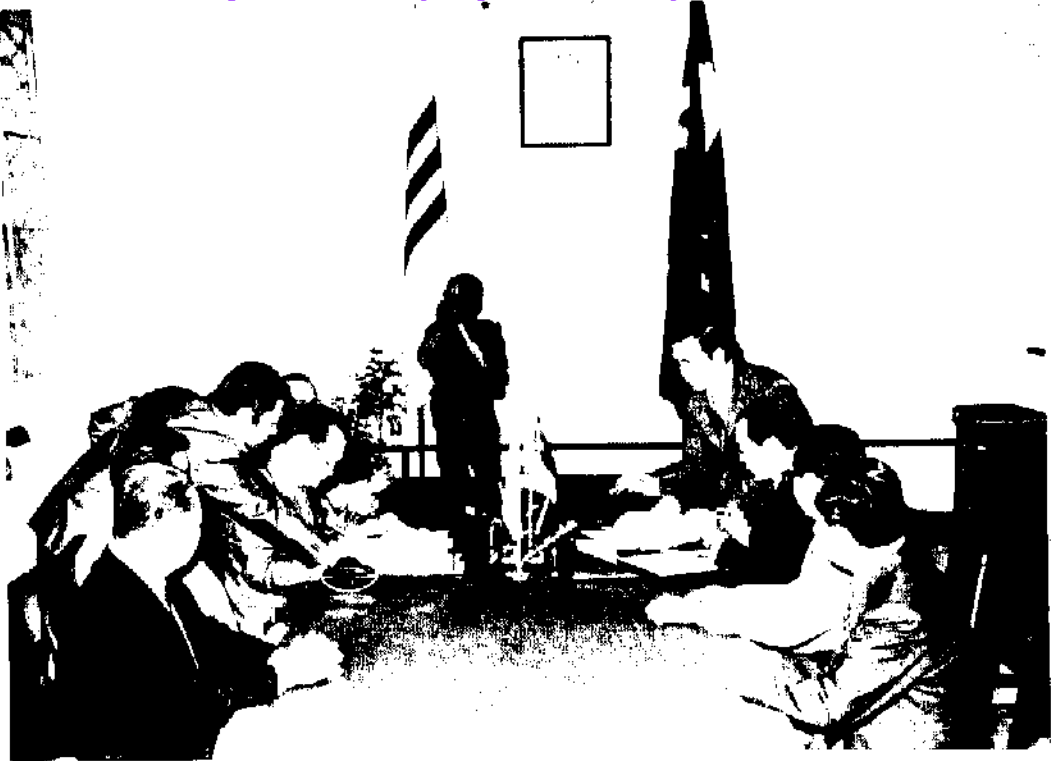
⊙ ⊙

ĐÃ HẾT LÒNG CHỈ DẠY CHÚNG TÔI  
TRONG SUỐT HỌC KHÓA  
1969-1972

KÍNH DÂNG

HƯƠNG HỒN SONG THÂN

\*\*\*\*\*



Lễ ký kết thỏa-ước Hàng-Không Việt-Nam và Kampuchea giữa Ngoại-Trưởng Trần-Văn-Lâm và Ô.Koun Wick Quốc-Vụ-Khanh đặc-trách Ngoại-Giao Khmer tại Bộ Ngoại-Giao V.N.C.H ngày 10.3.1972



Ô.Tổng-Trưởng Ngoại-Giao trình bày lập trường của Chính-Phủ Việt-Nam Cộng-Hòa trước Ủy-Ban Ngoại-Giao Hạ-Nghị-Viện - Saigon ngày 22.9.1972 .

## Mục-Lục

	Trang
PHẦN DẪN NHẬP .....	1
PHẦN I.- KHUNG CẢNH PHÁP LÝ CỦA MỐI TƯƠNG QUAN .....	5
<u>Chương I.-</u> Lập Pháp ảnh hưởng đến Hành Pháp .....	6
<u>Đoạn I.-</u> Quyền điều hướng của chính sách ngoại giao .....	6
<u>Đoạn II.-</u> Quyền biểu quyết ngân khoản .....	8
<u>Đoạn III.-</u> Quyền chất vấn nhân viên chính phủ phụ trách ngoại giao .....	9
<u>Đoạn IV.-</u> Quyền điều tra của Thượng Nghị Viện về ngoại giao .....	11
<u>Chương II.-</u> Hành Pháp ảnh hưởng đến Lập Pháp .....	15
<u>Đoạn I.-</u> Tổng Thống hoạch định chính sách quốc gia : Độc quyền cấu tạo chính- sách ngoại giao .....	15
<u>Đoạn II.-</u> Tổng Thống thay mặt quốc gia trong sự giao thiệp với ngoại quốc, tiếp nhận ủy nhiệm thư .....	16
<u>Đoạn III.-</u> Tổng Thống là Tổng Tư Lệnh tối cao Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa : Có thể điều động binh sĩ tại bất cứ nơi nào để làm bất cứ công tác gì. ....	17



<u>Đoạn IV.-</u>	Tổng Thông ký sắc luật tuyên bố tình trạng báo động, giới nghiêm, khẩn trương để tạo ảnh hưởng quyết định chính sách hòa hay chiến của quốc gia .....	18
<u>Chương III.-</u>	Sự cộng tác giữa Hành Pháp và Lập Pháp .....	21
<u>Đoạn I.-</u>	Bổ nhiệm các nhân vật ngoại giao cao cấp .....	22
<u>Đoạn II.-</u>	Quyết định tuyên bố tình trạng chiến tranh .....	23
<u>Đoạn III.-</u>	Quyết định tuyên chiến và nghị hòa .....	24
<u>Đoạn IV.-</u>	Hiệp ước và hiệp định quốc tế .....	24
<u>PHẦN II.-</u>	<u>NGHIÊN CỨU THỰC TẾ</u> .....	30
<u>THIÊN I.-</u>	<u>THỰC TẾ</u> .....	31
<u>Chương I.-</u>	Sự điều hành ngoại vụ .....	31
<u>Đoạn I.-</u>	Vai trò của Hành Pháp : văn phòng phụ tá ngoại vụ .....	31
<u>Đoạn II.-</u>	Vai trò của Lập Pháp .....	32
<u>Đoạn III.-</u>	So sánh với chế độ Đế Nhật Cộng Hòa về việc điều hành ngoại vụ của Hành Pháp và Lập Pháp .....	33
<u>Chương II.-</u>	Sự suy yếu quyền kiểm soát của Quốc Hội .....	36
<u>Đoạn I.-</u>	Lý do của sự suy yếu .....	36
<u>Đoạn II.-</u>	Phương tiện tăng cường quyền kiểm soát của Quốc Hội : Hiến Pháp và công luận .....	38

<u>Chương III.-</u>	Nhân vật ngoại giao cao cấp .....	40
<u>Đoạn I.-</u>	Sự đề cử của Tổng Thống .....	40
<u>Đoạn II.-</u>	Sự chấp thuận của Thượng Nghị Viện .....	41
<u>Đoạn III.-</u>	Sự đề cử nhân viên Quốc Hội lâm Tổng Trưởng Ngoại Giao .....	43
<u>Phân Đoạn I.-</u>	Khía cạnh pháp lý của vấn đề .....	43
<u>Phân Đoạn 2.-</u>	Phường diện thực tế : Một phương cách giải quyết sự tương tranh quyền hành .....	46
<u>THIÊN II.-</u>	<u>ĐỀ NGHỊ</u> .....	48
<u>Chương I.-</u>	Một quan niệm mới về ngoại giao .....	48
<u>Đoạn I.-</u>	Chính sách .....	49
<u>Đoạn II.-</u>	Quần chúng .....	50
<u>Chương II.-</u>	Một phường thực tạo môi trường quan tốt đẹp .....	52
<u>Đoạn I.-</u>	<u>Lập Pháp</u> .....	52
<u>Đoạn II.-</u>	<u>Thực Pháp</u> .....	54
<u>KẾT LUẬN.-</u>	VIÊN ANH MÔI TRƯỜNG QUAN KHÍ CƯỚC SINH HOẠT CHÍNH TRỊ TẠI MIỀN NAM VN ĐƯỢC ỔN ĐỊNH .....	56
<u>THƯ TỊCH</u> .....		59

## PHÂN DẪN NHẬP

\*\*\*\*\*

- Hai khuôn gương đối ngược về vấn đề tổ chức mối liên hệ giữa Hành Pháp và Lập Pháp
- Ý chí của nhà Lập Hiến năm 1966

## THƯ-VIỆN QUỐC-GIA

Vấn đề tổ chức mối liên hệ giữa Lập Pháp và Hành Pháp từ trước đến nay có hai khuynh hướng đối ngược nhau. Khuynh hướng thứ nhất chủ trương tăng cường quyền kiểm soát của Quốc Hội, và khuynh hướng kia nhằm làm suy yếu quyền kiểm soát của cơ quan đại diện nhân dân.

Nhóm thứ nhất họ chủ trương rằng Quốc Hội là cơ quan đại diện nhân dân, các nhân viên Quốc Hội sẽ thực thi những nguyện vọng và quyền lợi của cử tri mà họ đại diện. Quốc Hội đối với khuynh hướng này được quan niệm như một máy bơm và Hành Pháp là một động cơ. Ngoài ra nhóm này cũng căn cứ vào thực tế chính trị là ít khi có nạn độc tài của Quốc Hội mà chỉ có nạn độc tài do Hành Pháp gây nên là điều đáng ngại mà thôi. Họ lý luận Quốc Hội gồm một tập đoàn và mỗi cá nhân có khuynh hướng chính trị và đứ luận khác nhau, dầu cho có một vài người có ý chí chủ trương thực hành một chế độ độc tài, họ cũng khó thành công được.

Nhóm còn lại chủ trương tăng cường quyền hành của cơ quan Hành Pháp vì chỉ có Hành Pháp mới có thể có được những quyết định nhanh chóng kịp thời, giải quyết được những nhu cầu khẩn cấp của quốc gia. Sự làm việc của một tập đoàn vừa chậm chạp, không thể nào đi đến một quyết định hoan mỹ vì sự tương phản chính kiến giữa nhiều phe nhóm. Hơn nữa, các vị nhân viên Quốc Hội là những người đại diện cho một số cử

tri mà thời đại đòi hỏi. Đôi lúc họ không đứng trên bình diện quốc gia để giải quyết vấn đề đâu có thiên chí phục vụ quốc gia dân tộc đi nữa, quyền lợi của nhóm cử tri này có thể từng phần với quyền lợi của nhóm khác. Sự bênh vực cho địa phương này họ có thể vô tình làm thiệt thời quyền lợi cho địa phương khác. Do đó chỉ có Hành Pháp là cơ quan duy nhất đại diện cho quốc dân. Họ chịu trách nhiệm lịch sử trước quốc dân và cũng vì vậy chỉ có cơ quan này mới có những quyết định phù hợp với quyền lợi của toàn dân.

Tại Việt Nam, các nhà Lập Hiến năm 1966 đã trải qua 9 năm của thời đế Nhật Cộng Hòa và gần 4 năm của giai đoạn chuyển tiếp sau ngày cách mạng 1-11-63. Những biến cố chính trị nội bộ, những thay đổi của chính quyền trung ương bên cạnh đó còn có những áp lực ngoại bang và nhất là phải đối phó với cuộc chiến khốc liệt một mặt một còn với bọn Cộng Sản xâm lăng, đang làm le thõn tỉnh miền Nam. Với những biến cố lịch sử đó, nhà Lập Hiến năm 1966 không làm sao tránh khỏi được những ưu tư nghi ngờ. Họ nghi ngờ từ con người đến định chế. Họ sợ cảnh độc tài của Hành Pháp tại diện trên mảnh đất này. Hiến Pháp năm 1956 đã trao cho Tổng Thống quá nhiều quyền hành bên cạnh một Quốc Hội ở thế yếu kém. Hành Pháp đế Nhật Cộng Hòa lung lạc Quốc Hội một cách tự do, vì vậy cảnh độc tài đã phát khởi. Đây là mối ưu tư lớn nhất của nhà Lập Hiến năm 1966. Do đó Hiến Pháp ngày 1-4-1967 được thành hình với sự cố gắng tạo cho một Lập Pháp mạnh và Hành Pháp ở thế bị kiểm soát mục đích tránh nạn độc tài do Hành Pháp gây ra, cũng vì nghi ngờ ở chế độ mà nhà Lập Hiến sẵn sàng đồng hóa chế độ Tổng Thống như chế độ độc tài (1).

---

(1) D.B. Trần Thế Minh "Đề cập lại Tổng Thống chế sẽ thay ngay hôn ma anh em ông Diệm núp sau bàn chủ tọa vô tay đề hoành hành đất nước này một lần nữa. BBOQLH số 031 ngày 7-12-1966.

Mặc dù ý chí của nhà Lập Hiến là như vậy nhưng thực tế sau hơn 5 năm Hiến Pháp được thi hành, Quốc Hội có đủ khả năng để kiểm chế Hành Pháp hay không, và ngược lại Hành Pháp với những quyền hạn hiến định hẹp hòi những có thể thoát khỏi sự kiểm soát của Quốc Hội hay không? Ngoài ra Hành Pháp có chế ngự được Quốc Hội không?

Trong khuôn khổ giới hạn của tập luận văn nhỏ bé này, chúng tôi nghiên cứu Hiến Pháp ngày 1-4-1967 về mối tương quan giữa Lập Pháp và Hành Pháp trong lãnh vực ngoại giao.

Theo chiều hướng trên, chúng tôi sẽ đề cập đến khung cảnh pháp lý chi phối mối tương quan và trong phần này một ít thí dụ thực tế sẽ được đưa vào để làm sáng tỏ thêm cho điểm pháp lý. Trong phần hai sẽ được đặc khảo về thực tế của mối tương quan, chúng tôi sẽ nói lên tất cả những thực tế sau hơn 5 năm thi hành Hiến Pháp và một vài đề nghị thô thiển.



## PHẦN I

\*\*\*\*\*

KHUNG CẢNH PHÁP LÝ  
CHỈ PHỐI MỐI TƯƠNG QUAN  
GIỮA LẬP PHÁP VÀ HÀNH PHÁP

0  
0 0

CHƯƠNG I.- LẬP PHÁP ẢNH HƯỞNG ĐẾN HÀNH PHÁP  
CHƯƠNG II.- HÀNH PHÁP ẢNH HƯỞNG ĐẾN LẬP PHÁP  
CHƯƠNG III.- SỰ CỘNG TÁC GIỮA HÀNH PHÁP VÀ LẬP PHÁP

\*\*\*\*\*

KHUNG CẢNH PHÁP LÝ CHỈ PHỐI MỐI TƯƠNG QUAN  
GIỮA LẬP PHÁP VÀ HÀNH PHÁP  
TRONG LÃNH VỰC NGOẠI GIAO

\*\*\*\*\*

Trong phần này, chúng tôi chủ trường nghiên cứu vấn đề trong ba lãnh vực khác nhau :

Lãnh vực thứ nhất sẽ đề cập đến những phương tiện mà theo đó Lập Pháp có thể ảnh hưởng, chỉ phối đến Hành Pháp, đặt Hành Pháp như một cơ quan bị kiểm soát.

Trong lãnh vực thứ nhì, chúng tôi sẽ nói lên điểm ngược lại tức là Hành Pháp ảnh hưởng đến Quốc Hội. Mặc dù với những quyền hạn hiến định giới hạn, những với nhu cầu của thời cuộc, những đòi hỏi của chính trị quốc tế, Hành Pháp có thể tạo cho Quốc Hội một sự đã rồi và biến các điều khoản mà Hiến Pháp đã dành riêng cho Quốc Hội để coi như một phương tiện kiểm soát Hành Pháp trở thành những điều khoản chết.

Sau khi nghiên cứu hai thái cực đối nghịch nhau, chúng tôi sẽ nghiên cứu tiếp sự cộng tác làm việc giữa hai cơ quan trên một vài phương diện.



## CHƯƠNG I

\*\*\*\*\*

# NHỮNG PHƯƠNG TIỆN ĐỂ LẬP PHÁP ẢNH HƯỞNG ĐẾN HÀNH PHÁP

Với những phương tiện hiến định dành cho Quốc-Hội, Quốc hội sử dụng nó để có thể ảnh hưởng đến chính phủ trong lãnh vực ngoại giao.

Quốc hội có thể điều hướng chính sách ngoại giao mặc dù chính sách này do Tổng Thống hoạch định, Quốc Hội có thể dùng quyền biểu quyết ngân khoản để làm tê liệt hoặc yểm trợ tối đa trên phương diện tài chánh, một phương tiện quan trọng trong sự thực thi chính sách ngoại giao của Hành Pháp. Ngoài ra Quốc hội có thể dùng những thẩm quyền hiến định khác để gây ảnh hưởng đến hành pháp trong lãnh vực ngoại giao như quyền biểu quyết các đạo luật, quyền kiểm soát chính phủ trong sự thi hành chính sách quốc gia (điều 39) quyền chất vấn Thủ tướng hay nhân viên chính phủ (điều 40) quyền khuyến cáo thay thế từng phần hay toàn thể chính phủ.

### ĐOẠN I.- QUYỀN ĐỊNH HƯỚNG CHÍNH SÁCH NGOẠI GIAO CỦA QUỐC HỘI

Mặc dù điều 62 đoạn I của Hiến pháp ngày 01/4/1967 trao quyền hành này cho Tổng Thống, hơn nữa chính trị quốc tế ngày nay vừa phức tạp vừa biến chuyển hết sức nhanh -

chóng (1). Do đó cần có những quyết định kịp thời và bí mật, nhưng đối với những quan niệm tổng quát và toàn diện chi phối đường lối đối ngoại của một Quốc-gia, Hành Pháp có thể và phải chấp nhận sự tham dự ý kiến của cơ quan Lập-Pháp (2). Trong tất cả những điều khoản của Hiến Pháp 1967 không có điều khoản nào thừa nhận sự can thiệp của Quốc hội vào giai đoạn hoạch định các quan niệm tổng quát chi phối chính sách đối ngoại. Trong khi đó tại các quốc - gia khác, Quốc-hội có thể tham dự vào giai đoạn này.

Tại Anh-quốc, Quốc hội Anh có thể can thiệp vào bất cứ vấn đề đối ngoại nào và cho Hành-Pháp biết mọi ý kiến của mình về vấn đề đó. Và trong thực tế chính phủ Anh rất lưu ý đến những ý kiến của Quốc-hội về bất-cứ vấn đề gì thuộc mọi lãnh vực.

Tại Nga-Sô, Hiến pháp Nga đã minh thị dự liệu rằng Xô viết Tối cao (3) hoạch định những nguyên tắc của chính-sách ngoại giao và giải quyết những vấn đề chiến tranh và Hòa-bình. Như vậy quyền cấu tạo chính sách ngoại giao thuộc về một trong những thẩm quyền của Xô viết tối cao.

Tại Việt-nam vì những khung cảnh thực tế chính trị và điều kiện hoạt-dộng như trên nên sự can thiệp của Quốc-hội chỉ đến mức độ điều hướng mà thôi, trừ trường hợp được hỏi ý kiến. Quốc-hội đệ II Cộng-hòa tại Việt-nam trong hơn 5 năm qua chỉ dùng những hình thức để ảnh hưởng đến chính-sách ngoại giao là mở các cuộc điều trần, chất vấn, ra các tuyên cáo quyết định hoặc nhắc nhở Hành - pháp về lập-trường của Quốc hội đối với các vấn đề trong lãnh vực ngoại

---

(1) Nguyễn Mạnh Hùng, *Bang Giao Quốc Tế*, 1971, trang 25

(2) Lê Đình Chân, *Hiến Pháp đệ II Cộng Hòa 1969*, trang 312

(3) Tức là Quốc Hội.

giao. Như vậy trên thực tế Quốc hội thường bị gạt ra ngoài trong các giai đoạn hình thành một chính sách ngoại giao. Đã không được yểm trợ bởi những điều khoản Hiến định dành cho Quốc hội những phương tiện tham dự vào giai đoạn thành hình chính sách ngoại giao, lại hoạt động trong một khung cảnh chính trị phân tán, Quốc hội như bị Hành-pháp cô lập hóa về phương diện này chỉ còn một ảnh hưởng hẹp hòi, thiếu cả chiều sâu đó là điều hướng chính sách ngoại-giao.

Như vậy, quyền biểu quyết ngân khoản của Quốc hội có hiệu lực bảo đảm hơn không.

## ĐOẠN II.- QUYỀN BIỂU QUYẾT NGÂN KHOẢN

Đây là một phương tiện kiểm soát hữu hiệu nhất tại bất cứ Quốc-gia nào nếu Quốc Hội thực hiện được thẩm quyền này.

Nếu không tham dự trực tiếp vào diễn trình cấu tạo chính sách ngoại giao thì Quốc hội còn có phương tiện gián tiếp để ảnh hưởng đến hậu quả tài chánh của chính sách đối ngoại của Hành Pháp (1)

Những đề nghị giảm kinh phí tại Bộ Ngoại-giao, những tu chính án có tính chất điều hướng, những cuộc thảo luận tổng quát tại nghị trường. Đó là những dịp mà Quốc hội có tạo ra để với dụng ý là can thiệp vào chính sách đối ngoại của Tổng Thống. Những sự từ chối, cắt xén không cung cấp ngân khoản cần thiết để thực hiện chính sách khiến cho việc thực hiện chính sách ấy bị hạn chế hoặc có thể đình chỉ vì thiếu phương tiện tài chánh.

---

(1) Lê Đình Chân, Hiến Pháp Đệ II Cộng Hòa 1969. tr. 314.

Quốc hội Hoa kỳ khi biểu quyết Ngân sách có thể buộc thêm vào dự thảo Ngân sách của Tổng thống một phụ khoản để thực hiện một mục tiêu nào đó theo ý muốn của cơ quan Lập pháp mà Hành-pháp không đề cập đến trong bản dự thảo. Ngoài ra khi chấp thuận cho Hành pháp thực hiện một ngân khoản theo ý Hành pháp, Quốc hội có thể đặt điều kiện cho việc sử dụng ngân - khoản này. Trong một trường hợp khác Quốc hội có thể làm Hành pháp tể liệt mọi hoạt động và đình chỉ thi hành ngay chính - sách mà Tổng thống dự liệu bằng cách khước từ ngân khoản mà Hành pháp đề nghị. Tuy nhiên trường hợp sau cùng ít xảy ra vì Quốc hội và Chính phủ thường có những sự thông cảm và nhu cầu gần giống nhau, sự khước từ chấp thuận một ngân khoản cho một chính sách đã được Tổng thống vạch ra có thể đặt Quốc - hội một trách nhiệm to tát trước lịch sử mà hành động như vậy Quốc hội ít khi thực hiện. Thí dụ : năm 1948 khi biểu - quyết đạo luật viện trợ cho Âu Châu Quốc hội Hoa kỳ đã buộc vào đó một phụ khoản viện trợ cho Trung hoa, Tổng thống Hoa - kỳ vì không muốn làm bất thành kế hoạch tái thiết Âu Châu nên đã phải chấp thuận viện trợ cho Trung hoa theo ý Quốc hội.

Một thí dụ khác như năm 1970 khi chấp thuận ngân - khoản viện trợ cho Kampuchia, Quốc Hội đã đặt thêm một điều - kiện là Tổng thống không được dùng ngân khoản đó để đưa quân đội Hoa kỳ vào Kampuchia.

### ĐOẠN III.- QUYỀN CHẤT VẤN NHÂN VIÊN CHÍNH PHỦ PHỤ TRÁCH VỀ NGOẠI GIAO

Thủ tục chất - vấn Thủ tướng và nhân viên chánh phủ được dự liệu tại điều 40 khoản I của Hiến pháp là một phương tiện để Quốc hội kiểm soát Hành pháp.

Sự chất vấn sẽ được Quốc hội (Thượng nghị Viện hoặc Hạ nghị Viện) kết thúc bằng một biểu quyết hoặc thỏa mãn về những lời giải thích của đại diện Hành pháp. Ngoài những

biểu quyết tán thành hay phản đối, Quốc hội còn có thể đưa ra sau đó một vài đề nghị cần thiết nói lên quan điểm và lập trường của Quốc Hội về chính sách đối ngoại.

Ngoài thủ tục chất vấn vừa kể, điều 40 đoạn II của Hiến pháp còn qui định rằng Chủ tịch ủy ban của mỗi viện có quyền yêu cầu các nhân viên chính phủ tham dự các phiên họp của Ủy ban để trình bày các vấn đề liên hệ đến Ủy ban. Trong sự tham dự này, các Tổng trưởng chỉ có nhiệm vụ trình bày chứ không có nhiệm vụ trả lời các câu chất vấn nếu có. Tuy nhiên trên thực tế nếu có câu chất vấn nào được nêu lên, nhân viên chính phủ đã không ngần ngại gì trả lời các câu hỏi đó. Cũng vì vậy mà chính những cuộc tiếp xúc có hiệu quả làm giảm đi phần nào các cuộc chất vấn dự liệu ở điều 40 khoản I (1). Ngoài ra nó cũng còn có hiệu quả là gây được sự thông cảm giữa hai cơ quan Lập pháp và Hành pháp. Đại diện Hành pháp sẽ tìm hiểu được nhân dân qua các đại diện dân cử và ngược lại các vị đại diện nhân dân sẽ thông cảm được những nỗi khó khăn của Hành pháp qua sự trình bày của nhân viên chính phủ.

Cuộc chất vấn nhân viên chính phủ đưa đến hậu quả như thế nào, Hiến pháp không có điều khoản nào đề cập đến. Nội quy Thượng nghị viện và Hạ nghị viện chỉ quy định rằng cuộc chất vấn sẽ được kết thúc bằng một biểu quyết và biểu quyết này sẽ được thông báo cho Tổng thống và Chính phủ.

Biểu quyết kết thúc cuộc chất vấn trên phương diện Hiến pháp không được đưa đến một hậu quả pháp lý nào nhưng trên bình diện chính trị chất vấn thể hiện quyền kiểm soát chặt chẽ và mức độ tín nhiệm của Quốc hội đối với cá nhân

---

(1) Luật Sư Trường Tiên Đạt, Hiến Pháp chú thích, 1967, tr.201

Thủ tướng Chính phủ và các Tổng-trưởng trong việc thi hành chính sách quốc-gia (1).

Ngoài ra sự khước từ của Thủ-tướng và nhân-viên chính-phủ không đến tham dự cuộc chất-vấn do Quốc-hội tổ chức cũng là một trường hợp xảy ra trên thực tế nhưng Hiến pháp cũng không ấn định một chế tài nào ngoài chế tài khuyến cáo thay thế từng phần hay toàn thể chính phủ, hoặc bất tín nhiệm một nhân viên chính phủ. Thí dụ : Quyết nghị bất tín nhiệm Ngoại-trưởng Trần văn Đỗ ngày 14/5/1968 của Hạ Nghị Viện Việt-nam Cộng-hòa (2).

#### ĐOẠN IV.- QUYỀN ĐIỀU TRA CỦA THƯỢNG NGHỊ VIỆN VỀ NGOẠI GIAO

Điều 41 Hiến pháp ngày 1/4/1967 quy định rằng Thượng nghị viện có quyền mở cuộc điều tra về sự thi hành chính sách quốc gia và yêu cầu các cơ quan công quyền xuất trình các tài liệu cần thiết cho cuộc điều tra này.

Như vậy sự mở cuộc điều tra được coi như là một Biện pháp mà Quốc hội thi hành để kiểm soát cơ quan Hành pháp. Cuộc điều tra này có thể do một ủy ban thường trực đảm nhận hay do một ủy ban đặc biệt được lập ra để điều tra về một vụ quan trọng đặc biệt nào đó xảy ra. Theo nghị sĩ Trương Tiến Đạt thì sự điều tra của Thượng nghị viện là một quyền nằm trong thẩm quyền kiểm soát sự thi hành các chính sách quốc gia chứ không phải nằm trong thẩm quyền Lập-pháp của Quốc-hội.

---

(1) Nguyễn Văn Bông, Luật Hiến Pháp và Chính Trị Học. 1969 tr. 395.

(2) Công Tác Lập Pháp 1967-1971. tr. 523.

Hiến pháp đã dành riêng cho Thượng Nghị Viện quyền điều tra. Đây là một thẩm quyền quan trọng cần phải cân nhắc trước khi hành xử. Giao quyền điều tra cho quá nhiều cơ quan để có nhiều lúc Hành-pháp gặp một cuộc điều tra song đôi, Hành pháp có thể vừa bận tâm vừa bực mình. Đó cũng là lý do tạo nên một sự bất hòa về mối tương quan giữa hai cơ quan công quyền : Lập pháp và Hành pháp. Do đó Hiến-pháp chỉ trao quyền này cho riêng Thượng nghị viện mà thôi, đó là một điều hợp lý. Về lại Hạ nghị viện còn có quyền chất vấn.

Tuy nhiên cuộc điều tra của Thượng nghị viện có thể trùng hợp với cuộc điều tra của cơ quan Tư-pháp. Do đó khi có hai cuộc điều tra của hai cơ quan này, Hiến pháp và Luật pháp không ấn định rõ ràng về trường hợp này, thiết tưởng cần dành ưu tiên cho cơ quan Tư-pháp vì trách nhiệm là tất cả của cơ quan Tư pháp. Cuộc điều tra của Thượng nghị viện chỉ là một biện pháp thêm vào mà thôi, nó không phải là một biện pháp chế tài duy nhất và trực tiếp đối với cơ quan Hành-pháp.

Một cuộc điều tra của Thượng nghị viện có đối tượng ra sao ? Tổ chức ủy ban điều tra như thế nào và quyền hành được giới hạn đến đâu ? Đây là những trường hợp đã được Hiến pháp và nội quy Thượng nghị viện quy-định.

### Phân đoạn 1. - *Đối tượng của cuộc điều tra*

Theo điều 40 của Hiến pháp thì Thượng-nghị-viện có quyền điều-tra về sự thi hành chính-sách Quốc-gia. Ngoài ra điều 67 quy định rằng Thủ-tướng điều-khiển chính phủ và các cơ cấu Hành-chánh quốc gia, chịu trách-nhiệm về sự thi-hành chính-sách quốc-gia trước Tổng-Thống. Vậy sự thi-hành chính sách quốc gia bao gồm hoạt-động của tất cả các bộ. Do đó, Thượng nghị viện chiếu theo Hiến-pháp có quyền điều tra về hoạt-động của bất cứ cơ quan nào thuộc về hành pháp.

Phân đoạn 2.- Tổ chức Ủy Ban điều tra

Cuộc điều tra có thể do bất cứ ủy ban Thường vụ nào tại Thượng nghị viện tự ý tổ chức, miễn là đối tượng của cuộc điều tra vẫn thuộc thẩm quyền của Ủy-ban đó. Điều 263 nội-quy Thượng-nghị-viện ấn định rằng "để thi hành nhiệm vụ, các ủy ban có thể mở các cuộc điều tra".

Ủy ban điều-tra đặc biệt được thành lập do quyết nghị của Thượng-nghị-viện chỉ định ai làm chủ tịch và các hội viên. Sau đó Thượng-nghị-viện biểu quyết về đối-tượng cuộc điều tra cùng kinh phí dành cho Ủy-ban nhất là vấn đề quyền hành dành cho ủy-ban.

Phân đoạn 3.- Quyền hành của ủy ban điều tra

Nội quy Thượng nghị Viện đã quy định quyền hành của Ủy ban điều tra rất rộng rãi. Ủy ban có thẩm quyền :

- Đòi các tài liệu tại các cơ quan công quyền Trung ương hay địa phương, Quân sự hay dân sự.
- Hỏi các nhân chứng, chuyên viên, kỹ thuật gia, quân-nhân các cấp, các viên chức hành chánh thuộc tất cả các cấp, các ngành. Những nhân chứng này phải tuyên thệ trước chủ tịch Ủy ban là nói sự thật.

Sau khi điều tra Ủy ban sẽ phúc trình lên Thượng nghị-viện để Thượng nghị viện thảo luận về bản phúc trình của ủy ban.

Trên đây là những nét đại cương về đối tượng, tổ-chức và quyền hành của ủy ban điều tra tại Thượng nghị viện.



Tóm lại có những phương tiện thường hữu mà Quốc hội thường dùng để ảnh hưởng đến Hành-pháp trong lãnh vực ngoại giao là quyền điều hướng chính sách ngoại giao, quyền biểu quyết ngân khoản để ảnh hưởng đến hậu quả tài-chánh của chính sách ngoại giao của Hành pháp. Quyền chất-vấn nhân viên chính phủ phụ trách về ngoại vụ, và quyền cuối cùng đó là quyền điều tra của Thượng nghị viện.

Dù sao Quốc hội cũng chỉ đóng vai trò kiểm soát, bảo vệ Hiến pháp. Quốc hội cũng là diễn đàn của phe đối-lập để phe này có dịp chỉ trích chính phủ và sửa soạn ngày chiếm đoạt chính quyền. Nói khác hơn Quốc-hội là một máy hãm mà động cơ là Hành Pháp. Trên phương diện pháp lý Quốc hội kiểm soát Hành pháp chắc chẽ như vậy, Hành pháp còn có cách nào để ảnh hưởng ngược lại Lập-pháp hay không?

X  
XX XX  
X



## CHƯƠNG II

\*\*\*\*\*

### HÀNH PHÁP ẢNH HƯỞNG ĐẾN LẬP PHÁP

Hiến pháp đã bảo đảm sự độc lập của Hành pháp, đặt Hành pháp ngoài ảnh hưởng những thay đổi của đa số tại Quốc hội. Ngoài ra thể thức bầu cử Tổng Thống cũng là một bảo đảm không kém giá trị cho sự độc lập của Hành pháp.

Trong chiều hướng đó Hành pháp có những phương tiện sau đây để ảnh hưởng đến Quốc hội trong lãnh vực ngoại giao.

#### ĐOẠN I.- TỔNG THỐNG HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH QUỐC GIA : ĐỘC QUYỀN CẤU TẠO CHÍNH SÁCH NGOẠI GIAO

Hiến-pháp trao cho Tổng Thống trọng trách hoạch định chính sách Quốc gia tại điều 62 (1). Như vậy Hiến pháp đã gián tiếp ấn định Tổng Thống có độc quyền cấu tạo chính sách ngoại giao của Quốc-gia.

---

(1) Điều 62 Hiến Pháp: "Tổng Thống hoạch định chính sách quốc gia, Tổng Thống chủ tọa Hội đồng Tổng Trưởng."

Theo đó mọi hành động của Tổng thống đều được mặc nhiên nhìn nhận là hành động của Quốc-gia và do đó đều có ảnh hưởng đối với chính sách ngoại giao của Quốc-gia.

Ngoài ra với sự đòi hỏi đặc biệt của chính trị quốc tế hiện đại, những sự bí mật về phương diện ngoại giao kèm theo những sự nhanh chóng, Quốc hội không thể đóng vai trò giải quyết được vấn đề này mà tất cả đều tạo cho Tổng Thống một ưu thế trong lãnh vực ngoại giao.

Tại Hoa kỳ Tổng thống có thể đưa ra những lời tuyên bố về chính sách như chủ thuyết TRUMAN, chủ thuyết NIXON... Như vậy với nhu cầu của chính trị quốc tế và với phương tiện quyền lực sẵn có trong tay Tổng thống đã dần dần đóng vai trò chủ yếu trong việc hướng dẫn chính sách ngoại giao.

**ĐOẠN 11.- TỔNG THỐNG THAY MẶT QUỐC GIA  
TRONG VIỆC GIAO THIỆP VỚI NGOẠI QUỐC,  
TIẾP NHẬN ỦY NHIỆM THỦ CỦA CÁC ĐẠI DIỆN  
NGOẠI GIAO.**

Đây là một đặc quyền của Tổng-thống và quốc-gia khi giao thiệp với quốc gia khác không phải biết đến Quốc-hội của Quốc gia đó mà chỉ biết đến vị nguyên thủ Quốc gia mà thôi. Vì vị nguyên thủ Quốc gia là đại diện duy nhất của Quốc gia trong lãnh vực ngoại giao.

Ngoài ra Quốc gia là một ý niệm trừu tượng để chỉ một loại tổ chức xã hội của con người. Quốc gia không phải là một thực thể sống động nên không thể tự hành động được mà phải hoạt động qua trung gian của những người đại diện.

**THƯ-VIỆN QUỐC-GIA**

Những nhà lãnh đạo quốc gia thay thế quốc gia mà hành động Trên trường quốc tế, những quyết định của họ có giá trị như những quyết định của chính quốc gia và hậu quả thay đổi cuộc diện chính trị quốc tế (1). Tổng thống khi tiếp nhận ủy nhiệm thư của các đại diện ngoại giao chính là Tổng Thống đã đại diện cho quốc-gia để hành động.

Mặc dù Hiến pháp đã quy định Quốc hội là cơ quan kiểm soát nhưng trong trường hợp này cơ quan Lập pháp không thể nào thi hành được trách nhiệm hiến định.

Tình hữu nghị giữa các quốc gia sẽ tùy thuộc hoàn toàn vào thái độ, cách cư xử của vị nguyên thủ quốc gia. Dẫu cho quốc hội không đồng ý về việc giao thiệp với một quốc gia nào đó nhưng với thẩm quyền này Tổng Thống có thể vượt ra ngoài sự kiểm soát của Quốc hội.

**ĐOẠN 3.- TÔNG THÔNG LÃ TÔNG TỬ LỆNH TỐI CAO QUÂN LỰC  
VIỆT NAM CỘNG HÒA CÓ THỂ ĐIỀU ĐỘNG BÌNH SĨ  
TẠI BẤT CỬ NƠI NÀO  
- ĐỂ LÀM BẤT CỬ CÔNG TÁC GI.**

Mặc dù là một thẩm quyền thông thường của vị nguyên thủ Quốc gia, nhưng với thẩm quyền này Tổng Thống có thể đưa quốc gia vào một cuộc chiến tranh và đặt quốc hội trước một tình trạng đã rồi cũng như biến các điều khoản mà Hiến pháp đã dành quyền tuyên chiến cho quốc hội thành những điều khoản chết. Thí dụ : Việc Tổng Thống Hoa kỳ gởi quân-đội vào Lebanon năm 1958, vào Thái lan năm 1962 và vào Kampuchia năm 1970.

(1) Nguyễn Mạnh Hùng, *Bang Giao Quốc Tế*, 1971, tr.5.

Thật ra quyền chỉ huy quân lực chỉ là một quyền nằm trong thẩm quyền tổng quát của Tổng Thống trong đó có Bộ Quốc Phòng. Hiến pháp muốn đặc biệt nhấn mạnh và trao cho Tổng Thống thẩm quyền này mục đích nâng cao uy tín của Tổng Thống đối với giới quân nhân.

Thông thường Tổng Thống sử dụng thẩm quyền này một cách đại cương và trên nguyên tắc. Sự hanh sử thẩm quyền này sẽ dễ dàng đối với vị Tổng Thống là một cựu quân nhân ở cấp bậc chỉ huy, nó sẽ khó khăn hơn đối với Tổng Thống dân sự nhất là tại quốc gia kém mở mang và đang lâm chiến như Việt-nam...

**ĐOẠN 4.- TÔNG THỐNG KỶ SẮC LUẬT TUYỂN BỐ TÌNH TRẠNG  
BAO ĐỘNG, GIỚI NGHIÊM HAY KHẨN TRƯỞNG  
ĐỂ TẠO ẢNH HƯỞNG QUYẾT ĐỊNH  
CHÍNH SÁCH HÒA HAY CHIẾN CỦA QUỐC GIA**

Với đặc quyền này Tổng Thống có thể sử dụng nó một cách khéo léo và tùy thời để tạo ảnh hưởng đến việc tuyên chiến và nghị hòa của quốc gia. Thẩm quyền này được quy định tại điều 64 Hiến pháp, nhưng điều khoản này cũng không cho ta một chỉ dẫn nào về định nghĩa của danh từ tình trạng bao động, giới nghiêm hay khẩn trương.

Phân đoạn 1.- Phân tích điều 64 Hiến Pháp

Theo Luật-sư Trương Tiến Đạt thì tình trạng khẩn cấp hay khẩn trương, tình trạng bao động hay giới nghiêm không có những quy chế riêng biệt rõ rệt nào. Đó là những từ ngữ dùng để chỉ những tình trạng đặc biệt, trong đó để ứng phó với tình thế, một hay nhiều quyền tự do của công dân, một hay nhiều đạo luật có thể bị đình chỉ hoặc hạn chế sự thi hành. Thật ra thì pháp chế của Pháp có phân tích và định nghĩa rõ ràng các tình trạng trên.

Tại điều 16 của Hiến pháp năm 1958 của Pháp đã định nghĩa thế nào là trường hợp đặc biệt. Đó là khi nào : "những định chế của nền Cộng hòa, sự độc lập của quốc dân, sự toàn vẹn của lãnh thổ hay sự thi hành những cam kết quốc tế bị đe dọa một cách nghiêm trọng và tức thì".

a.- Tình trạng báo động : là một tình trạng do một Đạo dụ của Tổng thống Pháp đặt ra ngày 7-1-1959. Hậu quả của tình trạng này là một loạt biện pháp nhằm bảo đảm tự do hoạt động của chính phủ, an ninh của biện pháp Tổng động viên, điều động các đơn vị tác chiến. Tình trạng báo động không gây ra sự di chuyển thẩm quyền xử án sang tay các tòa án quân sự hay hạn chế những tự do cá nhân.

b.- Tình trạng giới nghiêm : nếu được công bố sẽ gây ra những hậu quả pháp-ly :

- Giảm thiểu những quyền tự do cá nhân
- Các nhà cầm quyền quân sự sẽ thay thế nhà cầm quyền dân sự. Tình trạng giới nghiêm theo pháp chế của Pháp chỉ được tuyên bố khi có đe dọa ngoại xâm hay nội loạn.

c.- Tình trạng khẩn trương : là một định chế đặt ra sau các vụ biến động tại Algérie. Theo một Đạo Dụ của Tổng thống Pháp sự tuyên bố tình trạng khẩn trương được thể hiện bằng một Sắc lệnh làm tại Hội đồng Tổng Trưởng, nhưng sự triển hạn tình trạng quá 12 ngày đòi hỏi một đạo luật của quốc hội và luật này sẽ ấn định thời gian của tình trạng khẩn trương.

Tình trạng này không đương nhiên di chuyển quyền hành của nhà cầm quyền hành chính sang nhà cầm quyền quân-sự, nhưng giống tình trạng giới nghiêm là gây ra sự tạm ngừng thi hành pháp luật.

Tình trạng này cũng đem lại cho nhà cầm quyền Hành chính một vài quyền hành đặc biệt :

- Tam câu lưu
- Câu lưu Hành-chánh
- Sai áp và đính bản các nhật báo và ấn phẩm mọi loại.

Phân đoạn 2. - Ảnh hưởng quyết định của điều 64 Hiến Pháp

Khi gặp tình trạng đe dọa ngoại xâm thì chiếu theo Hiến pháp Tổng thống sẽ ký Sắc Luật tuyên bố tình trạng giới nghiêm. Việc ký sắc luật hay không sẽ tùy thuộc vào mức độ đối phó với tình trạng này. Nếu có ngoại xâm hay nội loạn mà giải quyết dễ dàng thì dĩ nhiên Tổng thống sẽ không ký Sắc luật tuyên bố tình trạng này, hoặc Tổng Thống sẽ chỉ ký Sắc luật tuyên bố tình trạng giới nghiêm để đặt điều kiện thử thách về phương diện chính trị đối với ngoại bang mà thôi. Ở một mức độ căng thẳng hơn nữa, Tổng Thống ký Sắc luật để tạo phương tiện đối phó thẳng tay và ngăn chặn được xâm lăng hay nội loạn.



## CHƯƠNG III

\*\*\*\*\*

# SỰ CÔNG TÁC GIỮA HÀNH PHÁP VÀ LẬP PHÁP

Ngoài lãnh vực ảnh hưởng lẫn nhau, ta còn thấy khu vực hoạt động nơi đó Hành pháp và lập pháp công tác để hoàn thành trách nhiệm hiến định. Đôi lúc trong công tác này hay công tác khác cơ quan Hành pháp hoặc cơ quan Lập pháp đóng vai trò quan trọng hơn. Tuy nhiên tất cả cũng chỉ là cùng thi hành nhiệm vụ mà Quốc dân đã giao phó.

Trong lãnh vực ngoại giao, có rất nhiều phương diện mà nơi đó hai cơ quan công quyền kể trên luôn luôn phải công tác để thi hành công vụ hiến định. Trong những trường hợp này nếu công tác chỉ được một cơ quan thực hiện thì sẽ không có giá trị. Chỉ khi nào hai cơ quan tiếp tục làm việc và hoàn tất, chừng đó công vụ mới có giá trị.

Trong việc bổ nhiệm các nhân vật ngoại giao cao cấp Hành pháp đề nghị và Lập pháp chấp thuận. Các nhân vật ngoại giao cao cấp mặc dù trực thuộc hẳn cơ quan Hành pháp nhưng trước khi được bổ nhiệm phải lần lượt qua sự tuyên chọn của hai cơ quan Lập pháp và hành-pháp.

Trong các trường hợp như việc quyết định tuyên bố tình trạng chiến tranh, việc ký kết các Hiệp-ước và Hiệp định Quốc tế việc tuyên chiến hay nghị hòa, tất cả cũng phải có sự công tác của hai cơ quan Lập pháp và hành-pháp.



## HOẠN 1.- BỔ NHIỆM CÁC NHÂN VẬT NGOẠI GIAO CAO CẤP

Các nhân vật ngoại giao cao cấp thường như các vị Đại sứ, trước khi được bổ nhiệm, phải lần lượt qua sự tuyển chọn của hai cơ quan Lập pháp và hành-pháp : Hành pháp đề cử (với sự chấp thuận của Thượng-nghi-viện). Vấn đề này được quy định tại điều 59 khoản 1 Hiến-pháp năm 1967.

Trên bình diện thực tế chúng ta nhận thấy rằng sự làm việc như trên có sự hợp tác giữa hai cơ quan Lập pháp và Hành-pháp. Trên bình diện pháp lý chúng ta thấy đây là một sự kiểm soát của Lập pháp trên Hành pháp trong lĩnh vực ngoại giao, mặc dù Hành pháp được toàn quyền tuyển chọn nhưng quyền quyết định cuối cùng vẫn là cơ quan Lập Pháp.

Xét trên phương diện ngoại giao thì vấn đề này rất hợp lý vì về ngoại giao các nhân vật phải được chọn lọc và đào tạo kỹ lưỡng, ngoại giao không phải chỉ cần bằng cấp và ngoại-ngữ mà còn cần phải được tuyển chọn về khả năng chuyên-môn nghề-nghiệp, tính tình và hình dáng bề ngoài. Vì hình ảnh đất nước trước người ngoại quốc được nhận định qua những nhân-viên ngoại-giao, bằng cử chỉ, cách xâ giao đến khuôn mặt khả ái và khả kính, nếu để cho việc chọn lựa các nhân vật này thuộc độc quyền của cơ quan Hành-pháp, thì dù có thiện chí cũng không làm sao tránh khỏi sự lựa chọn vì cảm tình, vì quyền lợi riêng tư mà quên đi quyền lợi quốc gia dân tộc.

Hơn nữa nhà ngoại giao là một tấm gương phản ảnh của đời sống, thể hiện về truyền thống của một dân tộc nên hiểu được nghĩa vụ, bổn phận và ảnh hưởng của mình trước quốc tế là một điều tối quan trọng mà một nhà ngoại giao không thể thiếu sót được (1).

---

(1) Nguyễn Liên, Ngoại Giao và Nghi Lễ, 1969, tr.7

Ngoài ra cũng có một điều đáng lưu ý là trong tất cả các viên-chức cao-cấp chỉ có Đại-sứ và Viện-trưởng Viện Đại-Học là có sự chấp thuận của Thượng nghị viện. Đây là một truyền thống dân chủ được phỏng theo tập tục chính trị của Hoa kỳ và thêm vào đó cũng do ảnh hưởng của Hậu quả những tệ đoan của các vị đại diện ngoại giao tại ngoại quốc.

Dù sao việc bổ nhiệm các Trưởng Nhiệm Sở ngoại giao qua thủ tục hiến định như vậy cũng đáp ứng được phần nào nhu-cầu thực tại.

## ĐOẠN II.- QUYẾT ĐỊNH TUYÊN BỐ TÌNH TRẠNG CHIẾN TRANH

Điều 39 đoạn 4 Hiến-pháp 1967 quy định rằng Quốc hội có thẩm quyền quyết định việc tuyên bố tình trạng chiến tranh.

Tình-trạng chiến-tranh là một tình trạng khác với tình-trạng báo động giới nghiêm hay khẩn trương được quy định tại điều 64. Đối với tình trạng kể sau việc tuyên bố các thực trạng đó được thực hiện bằng một sắc-luật của Tổng Thống. Riêng đối với tình trạng chiến tranh thì quyền tuyên bố dành cho Quốc hội. Tổng thống đề nghị bằng một dự thảo luật và Quốc hội biểu quyết. Như vậy việc tuyên bố thực trạng này được thực hiện bằng một đạo luật. Hậu quả pháp lý của tình trạng chiến tranh là :

- Hạn chế những tự do cá nhân mà điều 29 của Hiến pháp 01/4/67 đã ghi là chỉ có luật mới có thể hạn chế được.
- Di chuyển thẩm quyền Cảnh sát sang tay các nhà chức-trách quân sự. Sở dĩ có sự di chuyển thẩm quyền là vì người ta nghĩ rằng giới quân sự sẽ hành xử các thẩm quyền đó một cách kiên quyết và mau lẹ hơn.

Tại Pháp Hiến pháp đã trao quyền tuyên bố tình trạng chiến tranh cho chính phủ, việc tuyên bố được thực hiện bằng một sắc lệnh chiếu theo quyết định của Hội đồng chính phủ. Nhưng nó chỉ có giá trị trong 12 ngày, nếu muốn kéo dài phải có phép của Quốc hội.

Từ ngày chấm dứt chế độ đệ I Cộng-hòa tại Việt-nam cho đến nay đã có ít nhất hai lần mà tình trạng chiến tranh được tuyên bố.

Lần thứ nhất do dụ số 01-UBLĐQG ngày 24/6/1965 của ủy ban lãnh đạo quốc gia ban hành tình trạng chiến tranh trên toàn lãnh thổ Việt-nam Cộng hòa.

Lần thứ nhì sau ngày hiến pháp đệ II Cộng hòa được hành, do luật số 10/68 ngày 5/11/1968.

### ĐOẠN III.- HIỆP ƯỚC VÀ HIỆP ĐỊNH QUỐC TẾ

Hiệp ước là một danh từ chỉ bất cứ một sự cam kết hay thỏa thuận nào giữa những chủ thể của luật quốc tế.

Hiệp định là một thỏa hiệp giữa các quốc gia để qui định về những vấn đề quan trọng như những quốc gia muốn xác định một số qui tắc luật quốc tế (1)

Điều 59 khoản 3 Hiến pháp 1.4.1967 dành quyền ký kết các Hiệp ước và Hiệp định Quốc tế cho Tổng thống và điều 39 khoản 2 trao cho Quốc hội quyền phê-chuẩn.

Các Hiệp ước và hiệp định quốc tế sau khi được Tổng Thống ký kết tự nó chỉ có giá trị như một dự thảo luật

---

(1) Lưu Văn Bình, Quốc Tế Công Pháp, 1967, tr.151

mà thôi, chỉ khi nào sau khi được Quốc-hội phê chuẩn nó mới có giá trị thi hành. Thêm quyền của Quốc - hội chỉ là một thẩm - quyền phê - chuẩn. Vậy Quốc - Hội không biểu - quyết về Hiệp ước Quốc tế mà chỉ biểu quyết về dự luật phê chuẩn mà thôi. Vì thế cho nên phúc trình của Ủy ban Thông tin ngoại giao Thượng nghị viện hay Ủy ban ngoại - giao Hạ nghị viện về dự luật phê chuẩn chỉ được đề nghị chấp thuận hay bác bỏ toàn bộ nghĩa là khi được chuyển đến Quốc hội dự luật có thể được chấp thuận và có thể bị bác bỏ chứ không có việc phê chuẩn một phần hay sửa đổi.

Chúng ta thử đặt vấn đề vì sao cần có sự phê - chuẩn của quốc hội :

Ngày xưa hiệp ước được ký kết giữa các phái viên đại diện cho Quốc-vương, không có sự phê chuẩn của cơ quan nào cả. Thủ tục ký kết những Hiệp ước Quốc tế tương tự như thủ - tục ký kết những khe ước. Sự tương quan giữa Quốc trưởng và phái viên tương tự như người thụ ủy và ủy quyền trong dân luật. Hiệp ước thực sự bắt đầu có giá trị kể từ ngày được ký kết. Thủ tục này sớm bị gạt bỏ vì lẽ một trong hai quốc gia kết ước thường viện lẽ là phái viên vượt quyền để khỏi thi hành hiệp ước đã được ký kết.

Để tránh những tranh chấp trên, tập tục chính trị quốc tế quan niệm rằng cần phải có sự phê chuẩn. Như vậy sự phê chuẩn rất cần thiết, có những lý do biện minh cho sự cần thiết này là :

- Phái viên không đủ tư cách để quyết định chấp nhận một Hiệp ước có liên hệ đến toàn quốc.
- Vì Hiệp ước có liên hệ đến toàn quốc, mà Quốc hội là cơ quan đại diện cho toàn dân nên đòi hỏi cần có sự phê chuẩn của quốc hội.

Hành - vi phê chuẩn là một hành vi chuyển đoán nghĩa là chính phủ sau khi ký nhận Hiệp ước có thể tự ý phê chuẩn hay không phê chuẩn. Sự khước từ phê chuẩn không

bó buộc một chính phủ phải chịu trách nhiệm về phương diện chính trị, sự không phê chuẩn này không trái với luật quốc tế. Quốc gia kết ước có thể phê chuẩn bất cứ lúc nào nếu Hiệp ước vô thời hạn. Do đó có nhiều Hiệp ước được phê chuẩn nhiều năm sau ngày được ký kết.

Tóm lại trên phương diện pháp lý việc ký kết và phê chuẩn các Hiệp ước và Hiệp định quốc tế, Hành pháp và Lập pháp đã công tác với nhau trên căn bản bình đẳng (nếu cùng chính kiến) hoặc bất bình đẳng (nếu bất đồng chính kiến mà phải phê chuẩn) để hoàn thành một Hiệp ước cũng như Hiệp định quốc tế. Nhưng trên phương diện thực tế dù sao quyền hướng dẫn dư luận và tạo chiều hướng quyết định vẫn nằm trong tay vị lãnh đạo Hành pháp.

#### ĐOẠN IV. - TUYÊN CHIẾN VÀ NGHỊ HÒA

Điều 39 đoạn 3 Hiến pháp ngày 1.4.1967 dự liệu rằng Quốc Hội có thẩm quyền quyết định việc tuyên chiến và nghị hòa, và theo luật số 015/69 ngày 20.10.1969 ấn định việc tổ chức và điều hành Hội đồng an ninh quốc gia thì Hội đồng có nhiệm vụ đề nghị tuyên chiến hay nghị hòa. Như vậy theo các điều khoản vừa kể thì muốn tuyên chiến hoặc nghị hòa với một quốc gia nào Hội đồng an ninh quốc gia sẽ đề nghị với Quốc hội và Quốc Hội sẽ quyết định có nên tuyên chiến, nghị hòa hay không.

#### Phần đoạn 1. - Tuyên chiến

Thật ra hành vi tuyên chiến là một hình thức thuộc về quá khứ, khi mà quân đội đối bên chưa được cơ khí hóa và hành vi chiến tranh xảy ra một cách chậm chạp khiến cho các quốc gia tham chiến có dư thời giờ làm đủ mọi thủ tục trước khi các hành vi chiến tranh xảy ra.

Hiện nay cuộc chiến tranh nguyên tử có thể xảy ra trong chớp lát và như vậy chỉ có những hoạt động của cơ -

quan Hành pháp mới có đủ thời giờ đối phó với đối phương. Do đó chính phủ thường đặt quốc hội trước một sự việc đã rồi. Tuy nhiên với tư cách là Tổng-Tư-Lệnh Tối cao Quân - lực, Tổng Thống có đủ căn bản pháp lý để ra lệnh trả đũa mọi hành vi xâm lược. Vậy Tổng Thống trong trường hợp này có quyền tuyên chiến bằng một hành động chiến tranh và sau đó Quốc hội sẽ hợp pháp hóa hành vi chiến tranh này bằng một quyết định tuyên chiến.

### Phân đoạn 2. - Nghị hòa

Đối ngược với tuyên chiến là nghị hòa, vấn đề nghị hòa thường có hai hình thức : đình chiến và hòa-ước.

Đình chiến là một thỏa ước đình chỉ các hành vi giao tranh. Lúc đầu đình chiến là một thỏa ước thuận tụy quân sự được ký kết giữa các Tư Lệnh Quân đội đối nghịch. Ngày nay đình chiến là một thỏa ước có tính chất chính - trị được ký kết giữa các lãnh tụ quân sự nhưng thường là dưới sự thỏa thuận của quyền hành-pháp.

Hòa ước là vấn kiện chấm dứt chiến tranh toàn diện mà trước kia Quốc hội đã long trọng khai mạc bằng hành vi tuyên chiến.

Vấn đề nghị hòa mặc dù thuộc thẩm quyền của Quốc - Hội nhưng tất cả đều do sự cố gắng vận động của cơ quan Hành pháp vì thật ra quốc hội thiếu phương tiện để thực - hiện một sự vận động và tạo thông cảm giữa đôi bên lâm chiến để đi đến một cuộc đình chiến.

Thí dụ : cuộc Hòa đàm Ba Lê về vấn đề Việt-Nam, đây là kết quả của sự vận động của cơ quan Hành pháp để đi đến cuộc hòa đàm mà Quốc hội không hề tham dự vào giai đoạn vận động đầu tiên. Vào năm 1968, Hành pháp đã phải mất bao nhiêu sự thăm dò, vận động hàng mấy tháng trước khi chính- thức gửi phái đoàn sang Ba Lê để dự cuộc Hòa-đàm. Quốc Hội

thì mãi đến sau khi Hành pháp gửi phái đoàn đi rồi mới đặt vấn đề là quyền tuyên chiến và nghị hòa thuộc thẩm quyền của cơ quan lập pháp được qui định tại điều 39 khoản 3 Hiến pháp 1967, Hành pháp không có quyền tự ý gửi phái đoàn để tham dự Hòa đàm mà không có sự đồng ý của cơ quan Lập pháp, làm như vậy Hành pháp đã coi thường du luận và Hiến pháp. Mặc dù vậy, trong phiên họp khoản đại Lương viện ngày 7.12.1968 sau khi thảo luận về biểu quyết, quốc hội cũng đi đến một quyết định cuối cùng là chấp thuận chủ trương của Chánh phủ gửi một phái đoàn tham dự hòa đàm ngõ hầu thăm dò hết mọi triển vọng đưa tới hòa bình tại Việt-nam.

Qua thí dụ vừa rồi ta nhận thấy rằng mặc dù đây là một lãnh vực thuộc hoàn toàn thẩm quyền của cơ quan lập pháp, Hành pháp cũng dám tạo cho Quốc hội một sự dẽ rồi để cuối cùng Quốc hội cũng chỉ biết hợp pháp hóa hành vi của cơ quan Hành-pháp.



## PHẦN II

\*\*\*\*\*

### NGHIÊN CỨU THỰC TẾ

©  
© ©

#### THIÊN I.- THỰC TẾ

- CHƯƠNG I.- SỰ ĐIỀU HÀNH NGOẠI VỤ
- CHƯƠNG II.- SỰ SUY VÊU QUYỀN KIỂM SOÁT  
CỦA QUỐC HỘI
- CHƯƠNG III.- VIỆC BỎ NHIỆM NHÂN VẬT NGOẠI GIAO  
CAO CẤP

#### THIÊN II.- ĐỀ NGHỊ

- CHƯƠNG I.- MỘT QUAN NIỆM MỚI VỀ NGOẠI GIAO
- CHƯƠNG II.- MỘT PHƯƠNG THỨC TẠO MỐI TƯƠNG  
QUAN TỐT ĐẸP.

\*\*\*\*\*



## NGHIÊN CỨU THỰC TẾ

Như phân trước chúng tôi đã trình bày, nhà Lập Hiến 1966-1967 cố tạo cho một Lập Pháp mạnh mẽ để kiểm chế Hành Pháp ngõ hầu tránh khỏi cảnh độc tài tái diễn. Vì thế Hiến Pháp đã được thành hình với một Quốc Hội rất nhiều quyền hành. Nhưng sau hơn 5 năm Hiến Pháp được áp dụng, ước vọng của nhà Lập Hiến đã không trở thành sự thật mà chỉ là một viễn ảnh xa xôi. Sở dĩ như vậy là vì nhu cầu của chiến tranh đã tạo cho Hành Pháp một thế mạnh, và hơn nữa, cuộc sinh hoạt chính trị còn rối rạc, Quốc Hội bị phân tán mỏng phân khác vì bị sự mua chuộc của Hành Pháp, nên không thể nào hội đủ túc số mà Hiến Pháp đã qui định để làm áp lực cũng như kiểm soát Hành Pháp.

## THIÊN I

\*\*\*\*\*

## THỰC TẾ

Quyền hành của Lập-pháp cũng như của cơ quan Hành - pháp trên phương diện pháp lý là một việc mà đem áp dụng vào thực tế chính trị lại là một việc khác. Trên phương diện thực tế này, chúng tôi sẽ khảo sát một vài trường hợp điển hình để chứng tỏ rằng vai trò của Lập pháp và Hành pháp cũng như mối tương quan trên phương diện thực tế khác với lý thuyết.

### CHƯƠNG I.- SỰ ĐIỀU HÀNH NGOẠI VỤ

- Về phía Hành-pháp có Bộ Ngoại-giao; bên cạnh Tổng Thống có Phòng Phụ Tá ngoại vụ.
- Về phía Lập-pháp có các Ủy ban ngoại-giao thông tin Thượng Nghị-Viện và Ủy-ban ngoại giao Hạ-Nghị-Viện.

### ĐOẠN I.- VAI TRÒ CỦA HÀNH PHÁP

Sự chỉ huy thật sự chính sách đối ngoại thuộc thẩm quyền của Tổng Thống. Như ta đã biết trong phần đầu, vì nhu cầu của chính trị quốc tế hiện đại đã tạo cho Tổng Thống một ưu thế về phương diện ngoại giao, và Tổng Thống có độc quyền hoạch định chính sách ngoại-giao.

Ngoài việc hoạch định và chỉ huy chính sách đối ngoại Tổng Thống còn đóng vai trò đại diện Quốc-gia Việt nam trên chính trường quốc tế mà vai trò này không thể có ở Quốc-hội.

Bên cạnh Tổng Thống có phòng phụ tá ngoại-vụ chuyên nghiên cứu vấn đề đối ngoại để cung cấp tin tức và tài liệu cũng như ý kiến cho Tổng Thống khi cần. Phòng phụ tá ngoại-vụ đóng vai trò như một cố vấn của Tổng Thống về phương diện ngoại giao để hoạch định chính sách đối ngoại cũng như nghiên cứu dữ kiện, tường trình của Bộ Ngoại-giao.

Để thi hành ngoại vụ có Bộ Ngoại-giao mà trong đó Tổng Trưởng ngoại giao là phụ tá của Tổng Thống. Thật ra chính sách ngoại giao tốt đẹp nhưng sự thành công không phải chính nó tạo nên mà do sự thi hành chính sách đó. Vấn đề nhân sự đóng vai trò quan trọng trong sự thành công của chính sách ngoại-giao.

Vì thế mà vai trò của vị Tổng Trưởng Ngoại giao rất quan trọng. Ngoài ra còn có các cơ quan khác có liên hệ đến việc thi hành cũng như việc cấu tạo chính sách ngoại giao như Bộ Quốc-phòng, Bộ Kinh-Tế, Tổng Nha Ngân Sách Ngoại Viện, Phủ Đặc Ủy Trung ương tình báo và Hội Đồng An-ninh Quốc-gia.

## ĐOẠN II.- VAI TRÒ CỦA QUỐC HỘI

Ngoài việc can thiệp vào việc phê chuẩn hay khước từ phê chuẩn các Hiệp-ước và Hiệp-định Quốc-tế, can thiệp vào việc bổ nhiệm các nhân viên ngoại giao cao cấp, Quốc hội chỉ hành xử một quyền kiểm soát chính sách đối ngoại cũng như là kiểm soát chính sách tổng quát của chính phủ. Nhưng sự kiểm soát này hay là quyền theo dõi và được thông-báo có những trạng thái riêng của nó, nó mềm dẻo hơn và không có tính cách thường xuyên như sự kiểm soát chính sách đối nội.

Trong lãnh vực ngoại giao, Quốc-hội đóng vai trò kiểm soát hơn là hoạt-dộng và tổ chức vì tất cả mọi phương-tiện hoạt động đều nằm trong bộ máy của cơ quan Hành Pháp mà Quốc-hội chỉ có chứng kiến và duyệt xét.

Tại Việt-nam, chưa khi nào cho chúng ta thấy một chính sách đối-ngoại của Tổng Thống bị Quốc Hội bác bỏ và đình chỉ ngay sự thi hành. Tại Hoa kỳ Quốc-hội đã từ chối ưng thuận hòa ước Versailles chứng tỏ chính sách đối ngoại của Tổng Thống đôi khi thất bại vì không được Quốc Hội tán thành.

Với diễn đàn chính trị hiện tại, Quốc-hội Việt-nam Cộng-hòa khó mà đạt được một túc số để bác bỏ và làm đình chỉ chính sách đối ngoại của Tổng Thống.

**ĐOẠN III.- SO SÁNH CHẾ ĐỘ ĐỆ I VÀ ĐỆ II CỘNG HÒA  
TRONG VẤN ĐỀ ĐIỀU HÀNH NGOẠI VỤ  
CỦA LẬP PHÁP VÀ HÀNH PHÁP**

Việc điều hành ngoại vụ của hai cơ quan Lập Pháp và Hành-pháp tùy thuộc vào khung cảnh pháp lý của chế độ và sinh hoạt chính trị tại chế độ đó. Có thể nhờ ở một phương tiện Hiến pháp mà vai trò của Quốc hội (hoặc Hành-pháp) nổi bật hoặc lu mờ. Cũng có thể nhờ ở một cuộc sinh hoạt chính trị mà chiều hướng thuận lợi đôi lúc nghiêng về bên Lập-pháp hoặc Hành-pháp. Để so sánh vai trò của hai cơ quan Lập-pháp và Hành-pháp trong việc điều hành ngoại-vụ tại hai chế độ đệ I và đệ II Cộng-hòa, chúng tôi sẽ so sánh trên hai phương diện : Pháp-lý và thực tế.

**Phân Đoạn I.- So sánh trên phương diện pháp lý**

Trong lãnh vực ngoại giao nói riêng và trong tất cả mọi lãnh vực khác nói chung. Hành-pháp trong chế độ đệ I Cộng-hòa có nhiều quyền hành hơn Hành-pháp đệ II Cộng-hòa. Như việc bổ nhiệm các sứ thần thì Hiến-pháp 1956 không cần

sự chấp thuận của cơ quan Lập-pháp và ngược lại Hiến Pháp 1967 đòi hỏi phải có sự chấp thuận của Thượng-Nghị-Viện. Điều này làm cho nhiều nhân vật ngoại giao mà Hành-pháp đề cử có thể bị Quốc-hội khước từ. Như có lần Tổng Thống đề nghị một lúc 10 vị làm Đại sứ thì bị Quốc-hội bác bỏ hết 4 vị và chỉ còn có 6 vị mà thôi (1). Trong một trường hợp khác Tổng Thống đệ nhất Cộng-hòa cũng có nhiều quyền hành hơn như việc ký sắc luật :

- Giữa hai khóa họp của Quốc-Hội, Tổng Thống vì lý do khẩn cấp có thể ký sắc luật (Điều 41)
- Trường hợp ngân sách không được chung quyết trước ngày 31.12, Tổng Thống ký sắc luật cho thi hành một phần tư của ngân sách cho mỗi tam cá nguyệt (Điều 43).
- Ngoài ra Tổng Thống còn ký sắc lệnh tuyên bố tình trạng khẩn cấp, báo động hoặc giới nghiêm (Điều 44)

Hiến pháp ngày 1.4.1967 chỉ dành cho Tổng Thống hai trường hợp ký Sắc-luật tương tự như trường hợp đầu và trường hợp cuối ở trên mà thôi.

Với những điều khoản như vậy dĩ nhiên Quốc hội Đệ Nhất Cộng-hòa phải thiếu phương tiện hiến định để kiểm soát Hành-pháp. Do đó với việc điều hành chính sách ngoại giao đối với Lập-pháp sẽ chỉ là một vai trò phụ trợ, yếu kém. Vì bị ảnh hưởng của đường lối Đệ I Cộng-hòa, Quốc-hội đệ nhị Cộng-hòa sẽ được tăng cường trong các lãnh vực điều tra (điều 41), bổ nhiệm các nhân vật ngoại giao cao cấp (điều 59)

---

(1) Biên bản số 08/72/TNV/BB/K ngày 10-5-1972 của Thượng -  
Nghị Viện.

Phân tích II: So sánh trên phương diện thực tế

Sau khi lên nắm chính quyền Tổng thống Ngô Đình Diệm phát động chiến dịch loại trừ các đoàn thể đối lập và đồng-thời tạo một tổ chức chính trị bán chính thức mệnh danh là Phong-Trào Cách-mạng Quốc-gia để tập trung mọi quyền - hành trong tay. Chế độ Ngô Đình Diệm lần lần đi đến chế độ quyền hành cá nhân, nên tất cả mọi vấn đề đều nằm trong tay cơ - quan Hành-pháp mà lập-pháp chỉ là một định chế để hoan hô, có võ mà thôi.

Trong lúc tất cả mọi quyền hành về việc điều - hành chính sách ngoại giao đều nằm trong tay cơ quan Hành-pháp của chế độ Đệ Nhất Cộng-hòa, thì trong chế độ đệ nhị Cộng-hòa, vì ảnh hưởng như vậy, nên các nhà Lập-hiến 1966 đã tạo cho một Lập-pháp mạnh và Hành-pháp ở địa vị yếu kém hơn thời kỳ trước. Tuy nhiên như đã phân tách trong phần trước vì nhu cầu của chính trị quốc ngoại, và vì cục diện của cuộc sinh hoạt chính trị hiện tại, Hành pháp đã phải làm lu mờ vai trò của Quốc-hội trong lãnh vực ngoại giao cũng như trong tất cả mọi lãnh vực khác. Quốc hội không thể nào tham dự vào việc điều hành chính sách ngoại giao một cách trực - tiếp và chỉ còn cách gây ảnh hưởng bằng cách cắt xén ngân - khoản, làm khó dễ trong việc bổ - nhiệm các nhân vật ngoại giao cao cấp mà thôi.

Tóm lại trên phương diện pháp lý, cũng như thực - tế, Hành pháp đệ nhất Cộng-hòa có nhiều ưu thế hơn Lập - pháp. Trong chế độ đệ nhị Cộng-hòa thì về phương diện pháp- lý, Lập-pháp có ưu thế hơn và Hành pháp bị yếu kém về phương diện này. Tuy nhiên trên thực tế thì Hành-pháp đã chế ngự Quốc-hội trên hầu hết mọi vấn đề trong lãnh vực ngoại giao.



## CHƯƠNG II.- SỰ SUY YẾU QUYỀN KIỂM SOÁT CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA QUỐC HỘI

Mặc dù Hiến-pháp đã trao cho Quốc-hội quyền kiểm - soát Hành pháp trong lãnh vực ngoại giao và dành cho Quốc - hội nhiều quyền quyết định trong lãnh vực này. Nhưng, trên thực tế Quốc hội không thể thực hiện được ước vọng của nhà Lập Hiến và ưu thế vẫn nằm trong tay vị lãnh đạo Hành pháp, đôi lúc Hành pháp còn chế ngự cả Lập-pháp nữa.

### ĐOẠN I.- NGUYÊN NHÂN SỰ SUY YẾU QUYỀN KIỂM SOÁT CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA QUỐC HỘI

Sự kiểm soát của Quốc hội trong lãnh vực đối ngoại không sâu rộng và thường xuyên bằng sự kiểm soát chính sách đối nội có nhiều lý do đưa đến hậu quả này.

#### Phân đoạn I.- Lý do tổng quát

1)- Trước hết là sự bí mật của việc thương thuyết, những mối bang giao giữa các Quốc-gia không nên đem mổ xẻ và thảo luận trước Quốc-hội có hàng trăm Nghị Sĩ, Dân Biểu và dự luận rất khác nhau. Nếu phép lịch sự quốc-tế còn có một tầm quan trọng nào, người ta rất có thể lo âu, thắc mắc bởi sự thảo luận công khai trước công chúng những vấn đề chính trị quốc tế còn trong giai đoạn thăm dò và thương lượng.

2)- Mặt khác sự kiểm soát của Quốc-hội trong địa - hạt bang giao quốc tế thường là một sự kiểm soát hậu bị chỉ khi nào những cuộc thương thuyết quốc tế đã có kết quả hay bị đổ vỡ thì mới đem ra thảo luận trước Quốc-hội. Do đó khi cuộc thương thuyết mới bắt đầu hoặc còn đang tiếp tục thì ít khi Quốc-hội được cáo tri một cách hoàn mỹ.

3)- Một lý do chính trị khác về việc phê chuẩn các hiệp ước Quốc-tế là Quốc-hội không hoàn toàn tự do vì khi

một Hiệp-ước Quốc tế đã được thương thuyết xong thì sự gạt-bỏ tàn nhẫn việc phê chuẩn Hiệp ước đó là một việc rất khó, mặc dù trên bình diện pháp lý, Hiệp ước Quốc tế mới được ký kết, chưa được phê chuẩn, tự nó không có một giá trị nào cả. Nhưng sự từ chối công việc của những nhà ngoại giao đã đứng lên thương thuyết, nhất là khi Quốc-gia kết ước kia mang một hy vọng thành tựu trong mỗi bang giao, là một việc khó-khăn và tế nhị. Và lại sự khước từ phê chuẩn còn tạo một tiền lệ nghi ngờ trong tương lai đối với ngoại quốc và cũng làm khó khăn không ít cho uy tín của nhà ngoại giao.

- 4)- Một lý do có tính cách tổng-quát và lý thuyết nữa là việc chuyển hướng chính sách ngoại giao là một việc khó thực hiện hơn việc thay đổi một chính sách đối nội.

#### Phần đoạn 2.- Lý do thực tế

1)- Lý do thực tế mà chúng ta có thể tìm thấy ở Quốc - hội đệ nhị Cộng-hòa hiện tại là thiếu sự đoàn kết mà vấn đề quan trọng bắt nguồn từ cuộc sinh hoạt chính trị thiếu ổn định. Hệ thống chính đảng rời rạc, không có hoạt động tập đoàn, chỉ có cá nhân và phe nhóm nhỏ. Như vậy Hành pháp dễ dàng mua chuộc và dễ dàng chia rẽ họ.

2)- Một lý do khác là một số nhân-viên Quốc-hội thân Hành-pháp một cách mù quáng, họ quên đi nhiệm vụ cao cả mà Quốc-dân đã giao phó cho họ. Vì thế họ sẵn sàng cố võ cho bất cứ một chánh sách nào mà Hành-pháp vạch ra không kể là chánh sách hay hoặc dở, có lợi hoặc có hại cho Quốc-dân.

3)- Ngoài ra theo Nghị-sĩ Trần Quang Thuận (1) thì Hành pháp thực sự không để ý đến nguyện vọng nhân dân

---

(1) Trần Quang Thuận, Nghị sĩ, Chủ tịch Ủy Ban Ngoại Giao Thượng Nghị Viện, phong vấn (Saigon, tháng 8/1972).



qua Quốc-hội, Hành pháp coi thường Quốc-hội. Đây là một tình trạng thường tình trong chế độ dân chủ của các quốc gia kém mở mang.

Thật vậy nhìn vào cuộc sinh hoạt chính trị tại Hoa - kè, Tổng Thống Nixon sau khi thực hiện chuyến Nga du lúc trở về Ông làm một phúc trình cho Quốc-hội thì trong lúc đó Tổng Thống Việt-nam Cộng-hòa không bao giờ hành động như vậy mà đôi lúc còn vượt qua giới hạn thuộc thẩm quyền của Quốc-hội nữa. Chính vì những lý do vừa kể mà quyền kiểm soát Hiến định của Quốc-hội trong lãnh vực ngoại giao đã bị suy yếu. Hiến - Pháp và công luận còn là phương tiện tăng cường quyền kiểm - soát của Quốc hội không ?

## ĐOẠN II.- GIỚI HẠN SỰ BÀNH TRƯỚNG QUYỀN HÀNH PHÁP : HIẾN PHÁP VÀ CÔNG LUẬN

Xét qua những đoạn vừa rồi, chúng ta đã tìm thấy Tổng Thống có rất nhiều quyền hành trong lãnh vực ngoại giao nhưng không phải là quyền hành đó không giới hạn. Những giới - hạn quyền hành đó là Hiến pháp và Công luận.

### Phân đoạn 1.- Hiến Pháp.

Điều 1 của Hiến pháp ngày 1-4-1967 nói lên ước vọng chung duy trì một lãnh thổ thống nhất và bất khả phân.

Điều 4 của Hiến-pháp đặt Cộng-sản ra ngoài vòng pháp luật. Đây là những nguyên tắc căn bản của chính sách Quốc - gia mà Hành-pháp phải tôn trọng, mặc dù nhu cầu chính - trị quốc tế và phương tiện sẵn có trong tay nhưng Tổng Thống không bao giờ dám vượt qua giới hạn hiến định trên trừ trường hợp những điều khoản này được sửa đổi.

## Phần đoạn 2.- Công luận

Về dư luận thì dù cho dư luận quần chúng tại Việt - nam chưa có hiệu lực mạnh mẽ như tại các quốc gia Âu-Hỹ nhưng không phải vì thế mà không được nhận rõ và không có ảnh hưởng đến chính sách đối ngoại của Quốc-gia.

Từ trước đến nay ta vẫn thấy những cuộc hội thảo chống trung lập, đòi hòa bình. Những cuộc xuống đường của sinh viên chiếm tòa đại sứ ngoại quốc như vụ chiếm Tòa Đại - Sứ Kampuchia, công luận càng mạnh mẽ hơn trong các đoàn thể áp lực như quân đội, tôn giáo.

Giáo-sư Gabriel Almond thì cho rằng : "nhiệm vụ của công chúng trong việc cấu tạo chính sách ngoại giao của một nền dân chủ là đặt ra một số tiêu chuẩn hướng dẫn chính sách dưới hình thức những giá trị hy vọng được đa số thừa nhận". Những giá trị và hy vọng này công chúng phát biểu minh thị hoặc mặc nhiên qua Hiến-pháp, trong lý tưởng phụng sự dân - tộc như hòa bình, dân-chủ. Tổng Thống có thể thăm dò công - luận bằng những bài diễn văn công cộng hay thông điệp, đọc trước Quốc-hội vào những khóa họp thường lệ. Ta có thể nói rằng sự thành công của một chính sách ngoại giao sẽ tùy - thuộc vào ước lượng của Tổng Thống về hậu thuẫn của công - luận đối với chính sách của mình và vào khả năng của Tổng - Thống vận động dân chúng hậu thuẫn chính sách ấy.

Tuy nhiên đây chỉ là phương diện lý thuyết mà thôi, Tổng thống Việt-nam Cộng-hòa ít khi chứng tỏ rằng Ông lưu tâm đến dư luận quần chúng. Bằng chứng là Ông không hề đề ý đến Quốc hội. Những đề nghị của Quốc-hội, đối với Hành pháp chỉ là những lời lẽ vui chơi mà chẳng bao giờ Hành pháp thực-hiện. Cũng vì vậy mà khi phê bình về biện pháp kinh tế tài - chính của chính phủ ban hành vào tháng 11/1971 thì Nghị Sĩ Trương Tiến Đạt đã cho rằng : "Kinh-nghiệm cho hay, nói chuyện pháp lý với chính phủ này chẳng khác nào đối thoại với một người điếc".

### CHƯƠNG III.- NHÂN VẬT NGOẠI GIAO CAO CẤP

Như đã trình bày, một chính sách ngoại giao tốt đẹp, có được soạn thảo kỹ lưỡng nhưng đem ra thi hành với một thành phần nhân sự thiếu khả năng, thiếu thiện chí thì khó mà thành công được.

#### ĐOẠN I.- SỰ ĐỀ CỬ CỦA TỔNG THỐNG

Phức với các vị Thủ Tướng cũng như các Tổng - Trưởng được Tổng Thống bổ nhiệm họ ngay, các Sứ-thần ngoại-giao, mặc dù họ là của cơ quan hành pháp, trực thuộc Bộ ngoại giao và dưới quyền chỉ huy trực tiếp của vị Tổng-trưởng Bộ này nhưng Tổng thống chỉ có quyền đề cử mà quyền quyết định cuối cùng về việc bổ nhiệm họ thuộc về cơ quan Lập-pháp. Hiến pháp sợ dĩ không để cho Tổng Thống bổ nhiệm trực tiếp vì những nhân vật ngoại giao là những người đại diện quốc gia mình tại ngoại quốc, những lời nói cử chỉ của nhà đại diện ngoại giao có ảnh hưởng rất nhiều đến uy tín của quốc gia mình và đến sự bang giao với Quốc-gia bạn. Hơn nữa nhà Lập-hiến còn muốn rằng làm như vậy để cho cơ quan Lập-pháp kiểm soát cơ quan Hành-pháp một cách gián tiếp trong lãnh vực đối ngoại.

Ta cũng nhận thấy có một sự phân tranh quyền - hành rõ rệt trong vấn đề này là nếu Tổng thống cứ luôn luôn cử những người mà Quốc-hội không hài lòng thì tại một số Tòa - Đại-sứ sẽ thiếu người điều khiển và nếu cứ như vậy tiếp tục mãi mãi thì trách nhiệm sẽ thuộc về ai? Hành pháp thì cho rằng đã làm tròn trách nhiệm mà Hiến-pháp trao phó bằng cách đề cử nhân vật chuyển sang Quốc-hội duyệt xét nhưng chấp thuận hay không là quyền của Quốc-hội. Nếu tình trạng này kéo dài thì trên thực tế Hành-pháp sẽ bị thua thiệt vì bộ máy của cơ quan này thiếu người làm việc và tạo sự căng thẳng trong mối tương quan với Lập-pháp.

Việc đề cử nhân vật trong trường hợp này sẽ có ảnh hưởng rất nhiều đến mối tương quan giữa hai cơ quan công quyền này. Trong khi duyệt xét các nhân vật do Tổng Thống đề cử, Nghị sĩ Hoàng-thê-Phiệt đã có ý kiến như sau : "có một ứng cử viên như Ông Vương Văn Bắc, chúng tôi thấy rằng Ông sẽ làm sáng giá cho nề ngoại giao của Việt-nam Cộng hòa và nhờ đó tôi bắt đầu có thêm một chút cảm tình với Tổng Thống Nguyễn văn Thiệu và chúng tôi thành thật ghi nhận thiện chí của Tổng Thống"(1).

Cũng tùy việc đề cử mà đôi lúc Tổng-thống bị Quốc hội chê trách và một đôi khi được Quốc hội khen ngợi như trường hợp trên. Nếu trong trường hợp Tổng - Thống vì quá thiên vị cá nhân, quá bảo thủ để đề cử những người thiếu khả năng, dĩ nhiên sẽ bị Quốc-hội khước từ và mối tương quan giữa hai cơ quan từ đó sẽ có thêm nhiều sự căng thẳng (2).

Khi đề cử một nhân vật, thiết tưởng Tổng-thống cũng nên lưu ý nhiều đến khả năng cũng như vai trò chính trị của họ. Chức vụ Đại-sứ phải được quan niệm đúng nghĩa của nó, không phải là một chức vụ dành riêng cho những người hết cơ hội tham chánh, không phải là nơi để cô lập hóa vai - trò chính trị của một vài nhân vật. Nó phải được quan niệm như đóng vai trò tai mắt cho Chính-phủ để chờ đón những cơ hội thuận tiện sắp xếp những sự hợp tác giữa các Quốc-gia nhằm phát triển quyền lợi, bảo vệ an ninh và lãnh thổ của quốc gia mình.

## ĐOẠN II.- SỰ CHẤP THUẬN CỦA QUỐC HỘI

Nhà Lập-hiến đã nhận thấy được tầm quan trọng của một nhân viên ngoại giao cao cấp và vì danh dự cũng như quyền lợi của Quốc-gia nên ấn định việc tuyển chọn thật chu đáo

---

(1) Biên bản số 08/72/TNV/BB/K ngày 10/5/1972 của Thượng Nghị Viên.

(2) Trường hợp Ông Trương Bửu Điện hay Ông Nguyễn Tấn Thành

trước khi bổ nhiệm họ ra ngoại quốc để làm việc. Hơn nữa sự chấp thuận của Quốc hội cũng có một mục đích khác là trao quyền kiểm soát cho cơ quan này để tránh tình trạng vị nguyên thủ quốc gia tự do hành động.

Khi duyệt xét về việc chấp thuận các nhân vật đã được Tổng-thống đề cử, Ủy-ban ngoại giao Thông tin Thượng Nghị Viện sẽ cần nhắc các điểm sau :

- Vấn đề quan trọng nhất là khả năng về ngoại giao của người được đề cử; họ phải là một nhân viên cao cấp trong ngành ngoại giao, một người có kinh nghiệm và kiến thức nhiều về ngoại giao. Cũng như sự hiểu biết của người ấy về quốc gia mà họ được Tổng thống đề cử để đến đó làm việc.

- Ngoài ra vai trò chính trị của họ cũng là một vấn đề được Ủy ban đem ra mổ xẻ và phân tích để làm phúc trình. Ứng cử viên phải là người có uy tín được đa số quần chúng ủng hộ.

- Không những họ có khả năng là đủ, khả năng ấy cần phải đem ra đóng góp vào việc xây dựng quốc gia và công cuộc đấu tranh chống cộng.

Đó là những điều căn bản mà Ủy ban ngoại giao thông tin Thượng Nghị Viện đem ra thảo luận mỗi khi xét về việc bổ nhiệm các nhân vật ngoại giao cao cấp. Theo Nghị sĩ Trần Quang Thuận thì hậu quả sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến Tổng thống là nếu vị Đại sứ mà Tổng-thống đề nghị có những hành động tốt đẹp, uy tín của người đề nghị là Tổng thống sẽ giảm bớt và Tổng - thống sẽ phải gánh chịu trách nhiệm.

Theo chúng tôi đây không phải là trách nhiệm riêng của người đề nghị mà là trách nhiệm chung của cả hai cơ quan Lập pháp và Hành pháp vì khi bổ nhiệm một vị đại-sứ, Quốc-hội đóng vai trò quyết định và Tổng thống chỉ đề nghị mà thôi. Nếu cho rằng chỉ có Tổng thống mới chịu trách nhiệm thì đó là một thái độ trốn tránh của người làm chính trị.

Trên đây chúng tôi đã khảo sát trường hợp thông thường mà Tổng-thống đề cử một nhân vật ngoại giao cao cấp. Trong một trường hợp đặc biệt mà chúng ta không thể bỏ qua được khi bàn đến những vấn đề vừa rồi, đó là trường hợp Tổng - Thống cử một nhân viên Quốc-hội làm Tổng thống Ngoại-giao. Chúng ta xem nó là đặc biệt vì Hiến pháp đã cấm Dân Biểu và Nghị sĩ kiêm nhiệm một chức vụ công cử hay dân cử, mà Quốc - hội và Tổng thống đã vượt qua Hiến pháp để thực hiện điều đó.

### ĐOẠN III.- SỰ ĐỀ CỬ NHÂN VIÊN QUỐC HỘI GIỮ CHỨC VỤ TỔNG TRƯỞNG NGOẠI GIAO

Trước hết chúng ta khảo sát Hiến pháp, nội quy Thượng và Hạ Nghị Viện để tìm một căn bản pháp lý cho vấn đề.

#### Phân đoạn 1.- Căn bản pháp lý của vấn đề

Hiến-pháp ngày 01/4/1967 điều 37 khoản 5 quy - định rằng Dân biểu và Nghị sĩ không thể kiêm nhiệm một chức vụ công cử hay dân cử nào khác. Đây là nguyên tắc bất khả kiêm-nhiệm của Dân biểu và Nghị sĩ.

Mặc dù vậy, nội quy của Thượng Nghị Viện chung quyết ngày 16/12/1967 quy định tại điều 174 đoạn 2 rằng "khi giữ một chức vụ công cử hay dân cử khác, Nghị sĩ được coi như ở trong tình trạng đặc nhiệm. Thời gian đặc nhiệm là một năm và cổ thể tái nhiệm một năm nữa là tối đa". Căn cứ điều vào 174 nội quy này, vài Nghị sĩ đã tham gia chính phủ và gây ra rất nhiều sự tranh luận tại Nghị trường Thượng Nghị Viện, bởi vì vậy mà do văn thư đề ngày 10/02/1969 Thượng nghị Viện đã yêu cầu Tối cao Pháp-Viện giải thích những điều sau :

- Sự đặc nhiệm có áp dụng cho chức vụ Tổng-trưởng trong chính phủ không ?

- Sự đặc nhiệm có nghịch với điều 37 khoản 5 của Hiến pháp không ?

Vì văn thư này không đúng thủ tục xin giải thích Hiến pháp nên Tối-cao Pháp-viện đã bác đơn về hình thức, do đó ngày nay vẫn chưa có sự giải thích nào của cơ quan có thẩm quyền luật định (1).

Theo nội quy của Hạ nghị Viện Pháp-nhiệm I thì điều 227 qui định rằng Dân biểu không thể kiêm nhiệm một chức vụ công cử hay dân cử nào khác trừ trường hợp đặc nhiệm không quá 06 tháng và phải được Viện chấp thuận. Ngoài ra tại điều 234 của nội quy pháp nhiệm 2 chung quyết ngày 26/11/1971, thì lại ấn định rằng Dân biểu không thể kiêm nhiệm một chức vụ công cử hay dân cử nào khác ngoại trừ các chức vụ giảng huấn tại các trường Đại-học và cao đẳng Kỹ thuật. Khi giữ một chức vụ công cử hay dân cử khác, Dân biểu được xem như ở trong tình trạng đặc nhiệm và đương nhiên mất quyền thảo luận, quyền biểu quyết và các đặc quyền khác trong suốt thời gian đặc nhiệm. Thời gian đặc nhiệm là một năm và có thể tái nhiệm nếu được chấp thuận.

Tóm lại, nội quy Thượng Nghị Viện và cả hai nội quy Pháp nhiệm 1 và Pháp nhiệm 2 của Hạ nghị Viện đều chấp thuận tình trạng đặc nhiệm chức vụ công cử và Dân cử của Nghị sĩ và Dân biểu.

Để vấn đề này được rõ ràng, chúng tôi phân tích sau đây điều 37 khoản 5 Hiến pháp và ý chí của nhà lập hiến.

Theo biên bản của Quốc hội lập hiến thì suốt hai cuộc họp vào ngày 3 tháng 2 năm 1967 và 14/02/1967, Quốc hội Lập hiến đã thảo luận rất nhiều về vấn đề đặc nhiệm của Dân Biểu và NGHỊ SĨ. Một số người chủ trương **Đãn** phép Dân biểu và Nghị sĩ đặc nhiệm chức vụ công cử hay dân cử. Nhóm khác lại chủ trương không thể kiêm nhiệm bất cứ một chức vụ công cử hay dân cử nào. Vì suốt trong các cuộc họp, phe đồng ý và bất

---

(1) Tối Cao Pháp Viện

đồng ý. Ông bên nào hội đủ túc số nên Ông Chủ-tịch Quốc - Hội Lập-hiến đề nghị gác lại vấn đề chờ đến khi nào đông đủ sẽ thảo luận và biểu quyết, trong khi đó Quốc-hội vẫn tiếp tục thảo luận các điều khoản kế tiếp.

Đến ngày 17/3/1967 khi chúng quyết toàn bộ Hiến pháp, vấn đề kiêm nhiệm và đặc nhiệm mới được đặt ra, Ông Chủ tịch Ủy ban thảo Hiến thuyết trình như sau :

"Để công việc của Quốc-hội mau chóng hơn và có sự tham gia của tất cả các đồng viện, chúng tôi xin trình với Quốc hội là chúng ta không nên chấp thuận bất cứ một sự kiêm nhiệm, một sự đặc nhiệm nào kể cả đặc nhiệm bên Hành Pháp, vì kinh nghiệm cho biết là đồng viện của chúng ta hiện nay được đặc nhiệm một chức vụ bộ trưởng bên Hành pháp, mấy ngày đầu còn đi họp đều, sau quá bận không thể cùng tham dự công-việc với chúng ta được. Vì vậy chúng tôi xin đề nghị vẫn giữ nguyên tắc là Dân biểu hay Nghị sĩ không thể kiêm nhiệm một chức vụ công cử hay Dân cử nào khác, và khoản sau chúng ta bỏ luôn nghĩa là không nói gì nữa".

Vì không có vị Dân biểu nào phát biểu thêm ý kiến về phần này nên Ông Chủ tịch đề nghị biểu quyết và có 61 thăm thuận. Sau đó điều 37 khoản 5 được thông qua với ý nghĩa như trên. Như vậy theo ý chí của nhà Lập Hiến thì điều 37 khoản 5 này hoàn toàn bác bỏ việc kiêm nhiệm cũng như đặc nhiệm của Dân Biểu và Nghị Sĩ.

Do đó tất cả các điều 174 nội quy Thượng nghị Viện và điều 227 nội quy Hạ nghị Viện Pháp nhiệm I và điều 234 nội quy Pháp nhiệm 2 đều vi hiến. Vì vậy mà việc Tổng Thống đề cử một nhân viên Quốc-hội giữ chức vụ Tổng trưởng ngoại giao là hoàn toàn vi hiến. Vấn đề bây giờ là giải quyết như thế nào về trường hợp này. Chỉ còn có hai cách là hoặc bãi bỏ các điều khoản trên của nội quy Hạ và Thượng Nghị Viện hoặc sửa đổi điều 37 khoản 5 Hiến-pháp.



Phần đoạn 2. - Phường diện thực tế Phường cách  
giải quyết sự tương tranh quyền hành?

Mặc dù ý chí của nhà Lập Hiến là nhất định không cho Dân Biểu và Nghị sĩ kiêm nhiệm một chức vụ công cử hay dân - cử nhưng theo giáo sư Nguyễn Quang Quỳnh thì Ông cho rằng sự đặc nhiệm giới hạn vào trường hợp một chức vụ nhất thời (không quá 06 tháng) có tính cách ngoại giao hay văn hóa chỉ là một ngoại lệ nhỏ và thông thường của nguyên tắc bất khả kiêm nhiệm mà nhiều nước ngoài đã chấp nhận (1). Như vậy giáo sư Nguyễn Quang Quỳnh thì đồng ý về trường hợp đặc nhiệm của Dân-biểu theo nội quy Pháp nhiệm I.

Thêm vào đó nhiều lập luận cho rằng sự đặc nhiệm sẽ tạo được phần nào thông cảm và liên-lạc chắc chắn giữa hai cơ quan Lập pháp và Hành pháp. Với những cuộc điều trần, chất - vấn các Nghị sĩ và Dân biểu sẽ không thể nào dùng những biện pháp nặng nề đối với một nhân viên chính phủ mà chính họ là Dân biểu hay Nghị sĩ. Và về phía Hành pháp đại diện của họ về trường hợp này sẽ dễ dàng trình bày mọi vấn đề khó khăn để bắt nhịp cầu thông cảm với Quốc-hội.

Tuy nhiên mặc dù thực tế là như vậy nhưng trên bình-diện pháp lý thì không thể thực hiện được. Dù sao, các nhà lãnh đạo phải tôn trọng căn bản Pháp lý của nền đệ nhị Cộng hòa. Nếu làm như vậy là đã vượt qua Hiến-pháp một cách trắng trợn và không thể chấp nhận được.

Theo Nghị-sĩ Nguyễn Văn Huyền, Chủ-tịch Thượng Nghị-Viện thì Ông cho rằng bây giờ nhiệm vụ là Tối cao Pháp - viện giải thích rằng việc đặc nhiệm như vậy có trái với điều 37 khoản 5 Hiến-pháp không? Theo Ông thì việc này hoàn toàn vi hiến, và nếu Tối-cao Pháp-viện giải thích là vi hiến thì chỉ

---

(1) Nguyễn Quang Quỳnh. Nguyên tắc bất khả kiêm nhiệm trong qui chế Dân Biểu và Nghị Sĩ đối với chức vụ công cử.  
Tập San Quốc Phòng, 1 (tháng 7/70), tr.147.

còn có việc nhân viên Quốc-hội đang tham gia chính phủ hoặc ở luôn lại chức vụ đó hoặc trở về Quốc-hội (1).

Tuy nhiên chúng tôi nghĩ rằng việc kiêm nhiệm và đặc nhiệm một chức vụ công cử vốn là cần thiết cho mối tương quan giữa Lập-pháp và Hành-pháp nên nếu Hành pháp cũng như Lập-pháp nhận thấy vấn đề cần thực hiện thì phải sửa đổi điều 37 khoản 5 Hiến pháp cho phù hợp với thực tế hiện tại. Nếu tình trạng còn kéo dài, sự đặc nhiệm vẫn còn xảy ra mà không đặt ra vấn đề tu chính Hiến pháp thì âu đó là một việc làm vô trách nhiệm của cả hai cơ quan Lập-pháp và Hành-pháp.



---

(1) Nguyễn Văn Huyền, Nghị Sĩ, Chủ tịch Thường Nghị Viện .  
Phỏng vấn (Sài Gòn, tháng 8/1972).

## THIỆN II

\*\*\*\*\*

### ĐỀ NGHỊ

Sau khi đã xét qua điểm pháp lý và thực tế của mối tương quan giữa hai cơ quan công quyền Lập pháp và Hành Pháp, chúng tôi xin đề cập đến sau đây một vài đề nghị.

Về chính sách ngoại giao, chúng tôi thấy rằng Việt - nam Cộng-hòa chưa có một quan niệm đứng đắn về ngoại giao. Ngay cả cơ quan tạo ra chính sách ngoại giao họ cũng không nhằm vào mục đích chính để giải quyết vấn đề. Về quan chúng thì thờ-ơ và hình như không biết gì đến ngoại giao cả. Họ quan niệm rằng đó là công việc của chính quyền mà người dân không cần tham gia, cổ võ.

Ngoài ra trong mối tương quan giữa hai cơ quan Lập - Pháp và Hành-pháp có những mối tương tranh mà khó giải quyết được. Làm thế nào phải chấm dứt tình trạng này để chính sách ngoại giao mới thành công.

### CHƯƠNG I.- MỘT QUAN NIỆM MỚI VỀ NGOẠI GIAO

Chính sách ngoại giao của một quốc gia thay đổi tùy theo thời gian và không gian mà chính sách đó được áp dụng. Hiện tại chúng ta đang chịu hai áp lực nặng nề là Cộng Sản và ngoại bang. Chính sách ngoại giao hiện tại cũng như tương lai cần phải làm thế nào để thắng được Cộng sản trong công -

cuộc đấu tranh chính trị hiện tại và cũng như thoát khỏi ảnh hưởng của ngoại-bang.

## ĐOẠN I.- CHÍNH SÁCH

Ở đây chúng tôi muốn nói đến vai trò chính quyền. Chính sách ngoại giao là kết tinh của những yếu tố quyền lực của quốc gia. Chúng ta cần phải phân tích các mục tiêu của chính sách ngoại giao để từ đó dồn mọi nỗ lực hoạt động để đạt đến kết quả.

Mục tiêu quan trọng nhất cho hoạt động ngoại - giao của Việt-nam Cộng-hòa hiện tại cũng như tương lai là vấn đề hòa bình trên căn bản thương thuyết. Mặc dù trên phương diện quân-sự, Cộng sản đã thất bại và Việt-nam Cộng-hòa đã làm chủ chiến trường nhưng vì để tiết kiệm xương máu cũng như tài sản của đồng bào, Việt-nam Cộng-hòa đã chấp thuận tham dự cuộc Hòa-dàm Balê để tìm kiếm một giải pháp hòa bình cho cuộc chiến. Dù Hòa-dàm Balê có tiếp tục hay bãi bỏ, người ta vẫn mong rằng một giải pháp chính trị cho Việt-nam sẽ được đặt ra.

Một mục tiêu không kém quan trọng là chủ trương hợp-tác quốc tế nhưng tự lực tự cường. Làm thế nào dùng ngoại - viện để phát triển kinh tế và tiến đến trình độ chúng ta tự-túc cho cuộc chiến và khỏi trông nhờ vào ngoại viện.

Ngoài ra phải luôn luôn củng cố chủ quyền của Việt - nam Cộng-hòa, nền Độc-lập của quốc gia và sự toàn vẹn của lãnh thổ. Lãnh thổ của một quốc gia phải được toàn vẹn mặc dù có sự phân chia tại vĩ tuyến 17 nhưng đó chỉ là tạm thời và Việt Nam Cộng-hòa vẫn là từ Ái Nam-quan đến Mũi Cà-mâu.

Đây là những mục tiêu quan trọng mà chính sách ngoại giao phải có mục đích đạt đến đó dù bằng phương thức này hay phương cách khác.

Chính phủ cần có một số nhân viên có đủ khả năng để thi hành chính sách đó. Ở đây khó khăn lớn nhất mà Bộ Ngoại-giao gặp phải lại là vấn đề nhân sự. Việc đào tạo những nhân viên ngoại giao giỏi, đủ khả năng đại diện Quốc-gia trên trường Quốc-tế, không thua kém các nhà ngoại giao của các nước bạn, nhất là có một niềm tin sắt đá ở lý tưởng Quốc gia dân tộc không phải một sớm một chiều có thể thực hiện được.

Một chính sách ngoại giao hợp lý, một thành phần nhân sự có đầy đủ khả năng, đáp ứng đúng nguyện vọng của nhân dân, thỏa mãn được nhu cầu của chính trị quốc ngoại sẽ đưa Quốc-gia Việt-nam ra khỏi tình trạng đen tối hiện tại.

Trên chiến trường quốc tế, Việt-nam đang được sự chú ý của toàn thế nhân loại. Vấn đề Việt-nam được đề cập hằng ngày trên báo chí cũng như đài phát thanh tại hầu hết các quốc gia. Có những nhân vật chính trị lỗi lạc tại danh đã phải mai một vì quan niệm cũng như chính sách của họ về vấn đề Việt-nam. Như vậy Việt-nam không còn nằm trong khung cảnh của một quốc gia nhỏ bé mà trở thành một vấn đề thời sự quốc tế quan trọng. Cũng vì vậy mà chính sách đối ngoại của Việt-nam Cộng-hòa có sự đặc biệt khác hẳn với tất cả chính sách của các quốc gia khác. Do đó chính sách đối ngoại được quan-niệm như một công cụ mang lại hòa bình cho dân tộc, uy tín của quốc gia bằng cách gây được cảm tình và sự ủng hộ của hầu hết các nước bạn. Nó còn được thực hiện bằng cách làm cho đối phương nản lòng là không thể thắng trong lãnh vực thuận-túy quân sự cũng như trên bình diện chính trị. Tuy nhiên sự thành công cũng còn tùy thuộc một phần quan trọng ở dân chúng

## ĐOẠN II.- QUẦN CHÚNG

Sự hy sinh của cá nhân trước quyền lợi thiêng liêng của quốc gia là một hợp phần quan trọng trong sự thành công của chính sách đối ngoại. Kinh nghiệm trong những năm qua cho ta thấy quần chúng ít khi để ý đến những hoạt động cũng như chính sách của chính phủ trong lãnh vực đối ngoại. Dân chúng

quan niệm rằng ngoại giao là trách nhiệm của chính quyền, họ hoàn toàn thờ ơ và quên lãng tất cả những gì xảy ra ở hải ngoại có liên quan đến Việt-nam. Những hy sinh, cố gắng hoạt động của một nhân viên ngoại giao cuối cùng chỉ là để tường-trình và báo cáo về Bộ ngoại giao là đủ. Những điều đó ít khi được dân chúng đề cập đến.

Sở dĩ có tình trạng trên là vì trình độ của hầu hết dân chúng còn thấp kém, họ nghĩ rằng vấn đề chính trị, thời cuộc là để cho những người tài ba, còn họ không đủ khả năng để bàn đến. Họ thích quanh nam có một đời sống an nhàn. Họ còn chủ trương không tham gia bất cứ chính đảng nào vì quan niệm chính đảng là tù đày, là nhà tan cửa nát. Cũng vì thế mà độ chính trị của đa số nhân dân thấp kém. Trong tương - lai làm thế nào phải giải quyết được tình trạng này, người dân phải được huấn chính. Người ta nghĩ rằng chính quyền đầu có phương tiện cũng như có môi trường thuận lợi đi nữa thì cũng khó mà có thể huấn chính nhân dân một cách đầy đủ. Chỉ có chính đảng, nơi đó là lò luyện chính trị cho các công dân. Vì thế mà chính quyền làm thế nào để tạo một hấp lực cũng như khuyến khích người dân tham gia chính đảng. Để từ đó họ được huấn chính một cách đầy đủ và cũng từ đó chính đảng có thể hoạt động một cách dễ dàng cũng như tạo một không khí hào - hứng cho cuộc sinh hoạt chính trị tại nước nhà. Chính sách ngoại giao mà thiếu quần chúng ủng hộ thì chính sách ấy khó mà thành công. Quần chúng được coi như là một hậu thuẫn vững vàng, một phương tiện yểm trợ hữu hiệu các hoạt động ngoại - giao tại hải ngoại. Những cuộc xuống đường, tuyên ngôn của các đoàn thể đòi hỏi Chính quyền quốc gia nọ phải thực hiện một vấn đề nào đó, đây là một sự nhấn mạnh trên chính sách ngoại giao, và có thể tạo ảnh hưởng thuận lợi cho tòa Đại - diện tại quốc gia nọ. Hiện tại Quốc hội cũng không thực sự đại diện nhân dân, Hành pháp thì coi thường dư luận. Như vậy chính sách đối ngoại khó thành công. Vấn đề hoạch định chính sách không quan trọng mà vấn đề quan trọng là thuyết - phục nhân dân ủng hộ chính sách đó.

## CHƯƠNG II.- PHƯƠNG THỨC TẠO MỐI TƯƠNG QUAN TỐT ĐẸP

Khi xây dựng những cơ chế dân chủ, vấn đề quan trọng cần đặt ra là nhà Lập-hiến nên tránh tất cả những tiên kiến cũng như đề dặt sai lầm mà cần phải khách quan nhận xét để làm thế nào cho phù hợp với hoàn cảnh quốc gia. Tại Việt-nam nhà Lập-hiến năm 1966 đã mang nhiều nghi ngờ nên không làm sao tránh khỏi sự chú quan khi thiết lập bản Hiến pháp ngày 1-4-1967.

Hiện tại, làm thế nào tạo được một mối tương quan thích hợp với hoàn cảnh chiến tranh, với thực trạng chính trị không nên tạo cho Lập pháp quá mạnh hoặc ngược lại tạo cho cơ quan đại diện nhân dân quá yếu mà làm thế nào xây dựng một sự kiểm soát tương đối và làm việc trên căn bản cộng tác. Lập pháp phải làm thế nào để chu toàn nhiệm vụ của mình, làm để dăng cho hoạt động của cơ quan Hành pháp; ngược lại Hành pháp phải tôn trọng Quốc-hội vì đây là cơ quan đại diện nhân dân.

### ĐOẠN I.- LẬP PHÁP

Không đóng góp được vào việc cấu thành chánh - sách ngoại giao, Quốc-hội dùng những phương tiện khác như cắt - xén ngân khoản, điều trần, làm khó dễ trong việc bổ nhiệm các nhân vật ngoại giao cao cấp để tạo khó khăn cho Hành - pháp. Đó là những điều sai lầm mà Lập pháp đã thực hiện. Để có một mối tương quan tốt đẹp Lập pháp cần phải thông cảm với Hành pháp trên mọi phương diện để yểm trợ Hành pháp hoạt động một cách đắc lực.

Về ngân khoản, Lập pháp cần phải để cho Bộ Ngoại - giao một ngân khoản khả dĩ có thể hoạt động được. Việc cắt - xén ngân khoản của Bộ ngoại-giao trong kỳ biểu quyết ngân - sách hàng năm, đôi lúc hợp lý nhưng đa số các trường hợp sẽ gây rất nhiều khó khăn cho hoạt động của ngành ngoại giao . Hơn nữa các nhân viên Quốc Hội không thể nào thấu triệt được

những nhu cầu khó khăn chuyên môn mà Bộ ngoại giao phải thực hiện. Mặc dù trong suốt thời gian biểu quyết ngân sách có đại diện Hành pháp giải thích nhưng khó mà thuyết phục để Quốc hội chấp thuận. Nếu ta đem so sánh ngân sách của Bộ Ngoại Giao Việt-nam Cộng-hòa với ngân sách của Bộ ngoại giao Bắc Việt ta sẽ thấy ngân sách của họ nhiều gấp năm, sáu lần. Một ngân khoản dành riêng cho Bộ ngoại giao quá ít ỏi so với ngân sách quốc gia trong lúc chúng ta đang đương đầu với ngoại vận của Cộng-sản. Mặt trận ngoại giao không thể thua kém một mặt trận quân sự, chính trị tại quốc nội. Ngân sách dành cho Bộ ngoại giao như vậy không thể đáp ứng đủ nhu cầu vì các cơ sở và phương tiện đương nhiên không thể phát triển được.

Thêm vào đó việc bổ nhiệm các nhân viên ngoại giao cao cấp đôi lúc Quốc hội xét quá kỹ, hoặc vì thù oán cá nhân hay để trả thù Hành pháp; Quốc hội đã khước từ những người được Hành pháp đề cử. Vì vậy mà hiện tại một số lớn các tòa đại diện của Việt-nam tại ngoại quốc thiếu các vị Đại-sứ để điều khiển. Làm như vậy Bộ ngoại giao thiếu một phương tiện hoạt động quan trọng nữa là vấn đề nhân sự.

Ngoài ra những thủ tục chặt chẽ, khuyến cáo, tại nghị trường với quyền bất khả xâm phạm nhân viên Quốc-hội đã chỉ trích với những lời lẽ quá nặng nề, hậu quả có thể làm mất uy tín cho các nhân viên chính phủ, đôi lúc còn làm nản lòng những người có thiện chí.

Tóm lại Quốc hội cần thông cảm với Hành pháp về ngân khoản dành cho Bộ ngoại giao để bộ này có một phương tiện hoạt động hữu hiệu. Quốc hội cần chấp thuận dễ dàng các nhân vật ngoại giao cao cấp do Tổng Thống đề cử, chỉ xét trên căn bản khả năng thực sự mà cần loại bỏ tiên kiến để có một số đại sứ khả dĩ có thể điều khiển các tòa đại diện. Quốc - hội cũng không nên dùng phương tiện nghị trường để đi quá trớn là làm mất uy tín và thiện chí của các nhân viên chính phủ.



## -ĐOẠN II.- HÀNH PHÁP

Trong quá khứ Hành-pháp đã coi thường Lập-pháp, có đôi lúc chà đạp lên cả Hiến-pháp để vượt quyền qua khỏi Quốc Hội. Tạo Quốc hội thành một thị trường phiếu để mua chuộc nhân viên Quốc hội. Hành pháp coi thường dư luận quần chúng; những việc đúng lý ra phải có ý kiến của Quốc-hội thì Hành - Pháp thường tự động làm một mình. Như vậy hậu quả đã tạo sự căng thẳng trong mối tương quan giữa hai cơ quan công quyền này.

Như ta đã biết thì hoạt động quan trọng nhất của Bộ ngoại giao nói riêng và Hành pháp nói chung trong những năm sắp đến là mưu cầu một nền hòa bình tại Việt-nam. Nếu không đạt được trên căn bản thương thuyết thì ít nhất cũng trên bất cứ một phương diện nào khác. Nhưng dù sao trước tiên người ta vẫn đặt hòa bình trên căn bản thương thuyết.

Giải pháp hòa bình mà Hành pháp đưa ra để thảo luận với đối phương cần phải có ý kiến của Quốc hội vì dù sao Quốc Hội cũng là cơ quan đại diện nhân dân. Hỏi ý kiến Quốc - hội tức Hành pháp đã hỏi ý kiến của Quốc Dân vậy. Thực hiện điều đó thì dĩ nhiên giải pháp đưa ra sẽ được sự ủng hộ đa số quần chúng.

Có sự trao đổi ý kiến với Quốc hội tức là Hành pháp đã tạo một mối tương quan tốt đẹp và bất nhịp cầu thông cảm với cơ quan Lập pháp. Chính sách cũng như giải pháp được thành hình trong chiều hướng đó sẽ dễ dàng có sự hậu thuẫn của Quốc-hội.

Mối tương quan giữa Lập pháp và Hành pháp như vậy cần có sự thông cảm giữa hai bên và sự hy sinh quyền lợi cá-nhân để phục vụ quyền lợi chung vì trách nhiệm đối với đất - nước là trách nhiệm chung của mọi người.

## KẾT LUẬN

\*\*\*\*\*

Viễn ảnh mối tương quan khi cuộc sinh hoạt  
Chính trị tại miền Nam Việt Nam được ổn định.-

VIÊN ANH MỐI TƯỜNG QUAN KHÍ CUỘC SINH HOẠT  
CHÍNH TRỊ TẠI MIỀN NAM VIỆT NAM  
ĐƯỢC ÔN ĐỊNH

Tại Việt Nam Cộng Hòa trong giai đoạn hiện thời, trên chính trường, các chính đảng hầu như không có thực lực, hoạt động rời rạc, thiếu quân chúng. Dân Biểu và Nghị Sĩ là những người thoát thai từ nhân dân nhưng đa số họ không có một lực lượng quan trọng nào hậu thuẫn cho họ. Có đôi lúc họ được đặc cử nhờ một cơ hội may mắn nào đó mà thôi. Cho nên, khi muốn khởi xướng một chương trình và chính sách các vị đại diện dân cử này thiếu yêu tố nhân dân ủng hộ. Đó là tại cơ quan Lập Pháp. Còn tại Hành Pháp thì Tổng Thống không thêm đề ý đến dư luận quân chúng, coi thường Quốc Hội. Tổng Thống không xuất thân từ một nhân vật chính trị. Là một tướng lãnh trong quân đội, Tổng Thống có thể chiếm được cảm tình trong giới quân nhân, nhưng về phía dân chúng thì họ không ủng hộ Tổng Thống một cách đặc lực vì họ còn bị chi phối bởi nhiều phe nhóm chính trị khác. Đó là yếu tố quân chúng ảnh hưởng đến hai cơ quan công quyền Lập Pháp và Hành Pháp.

Ngoài ra còn một yếu tố quan trọng nữa đó là phưởng tiên quyền hành mà Hiến Pháp đã dành riêng cho mọi

cơ quan, Như đã phân tích thì Lập Pháp được nhà Lập Hiến trao cho những quyền hành rộng rãi mà đặc biệt Hiến Pháp 1967 đã dành cho Quốc Hội để kiểm chế và kiểm soát Hành Pháp. Trong lãnh vực ngoại giao, cơ quan nào thuyết phục được quần chúng ủng hộ chính sách của mình thì cơ quan đó chiếm ưu thế hơn. Tình trạng vừa nói trên đã đưa đến cho hai cơ quan công quyền Lập Pháp và Hành Pháp không cơ quan nào thực hiện được điều đó, mà chỉ giữ ưu thế với nhau trên căn bản pháp lý mà thôi.

Cho đến khi cuộc sinh hoạt chính trị tại miền Nam Việt Nam được ổn định, dù khi đó đã hòa bình hay chiến tranh vẫn còn tiếp diễn, mọi tương quan giữa Lập - Pháp và Hành Pháp sẽ có nhiều đổi khác. Cuộc sinh hoạt chính trị được ổn định có nghĩa là khi các đảng phái sẽ không còn hoạt động rời rạc, được kết hợp lại thành những liên minh có thực lực vững chắc, có hậu thuẫn mạnh mẽ của quần chúng. Các đại diện dân cư từ trung ương tới địa phương đều được phát xuất từ những đoàn thể có tổ chức cũng như được sự ủng hộ nồng nhiệt của đoàn thể ấy. Hiện tại các Dân Biểu và Nghị Sĩ có tiếng nói cô đơn trên nghị trường. Tổng Thống thì cô đơn về phương diện chính trị vì thiếu yếu tố quần chúng kể trên. Khi chính trường được ổn định thì tại nghị trường, các Dân Biểu và Nghị Sĩ sẽ không còn hoạt động rời rạc nữa. Sự mua chuộc đối với Hành Pháp sẽ là một điều khó khăn. Trong trường hợp mà Tổng Thống chiếm được đa số tại Quốc Hội thì dĩ nhiên Tổng Thống sẽ dễ dàng hoạt động vì có sự hỗ trợ của nhóm đa số tại Quốc Hội. Những cuộc điều trần, những vấn đề cắt xén ngân khoản, những khuyến cáo... sẽ không còn là một điều dễ dàng xảy ra nữa. Khi đó tại Quốc Hội, phe thiểu số cũng sẽ rất khó khăn để đưa ra một chính sách, chương trình ngõ hầu có thể áp dụng được.

Trong trường hợp ngược lại, tức là phe của Tổng Thống không chiếm được đa số tại Quốc Hội thì Tổng Thống sẽ gặp nhiều khó khăn, mối tương quan giữa Lập Pháp và Hành pháp sẽ là mối tương quan độc chiếu. Quốc Hội hoàn toàn kiểm chế Hành Pháp trên cả hai phương diện pháp lý cũng như thực tế. Phe thiểu số tại Quốc Hội sẽ không thể ủng hộ cho Hành Pháp của họ để thực hiện những điều mà Hành Pháp đề xướng. Với khung cảnh hiện định hiện tại, một khuyết điểm của Hành Pháp có thể sẽ đề dăng để cho Quốc Hội tạo cho cả một thành phần chính phủ ra đi bằng biện pháp khuyến cáo.

Nói chung trong cả hai trường hợp trên, tất cả đều gặp những điểm bất lợi. Nếu Tổng Thống chiếm được đa số tại Quốc Hội thì tiếng nói của phe đối lập sẽ bị kiểm chế và đề dăng tiến đến một chế độ độc tài nếu họ muốn thực hiện. Trường hợp phe của Tổng Thống là phe thiểu số tại Quốc Hội thì hoạt động của Hành Pháp sẽ gặp nhiều khó khăn trên mọi phương diện vì bị Quốc Hội kiểm soát và không chế.

Cho tới một ngày nào đó, ý chí dân chủ được bộc phát mạnh mẽ từ chính quyền đến nhân dân, chính quyền sẽ không dùng nhân dân như một phương tiện để lửa bịp, trên chính trường họ sẽ chấp nhận một trò chơi dân chủ trong trách nhiệm xây dựng và phục vụ quốc gia dân tộc. Ngày đó nền hòa bình thực sự sẽ đến với chúng ta.

Kính đề trình,

Saigon, ngày 15 tháng 9 năm 1972

Sinh viên HUỖNH TẤN LỄ

# thư tịch

## I.- VĂN KIẾN

- Hiến Pháp Việt Nam Cộng Hòa ngày 1-4-1967
- Hiến Pháp Việt Nam Cộng Hòa ngày 26-10-1956
- Biên Bản Quốc Hội Lập Hiến 1966-1967
- Nội quy của Hạ Nghị Viện pháp nhiệm 1967-1971 và  
nội quy pháp nhiệm 1971-1975.
- Công Tác Lập Pháp 1967-1971 của Hạ Nghị Viện.
- Nội quy Thượng Nghị Viện.
- Luật số 015/69 ngày 20-10-1969 quy định việc tổ chức  
và điều hành Hội Đồng An Ninh Quốc Gia.
- Biên bản về việc bổ nhiệm các Trưởng Nhiệm Sở ngoại -  
giao, sự chấp thuận hay không chấp thuận  
của Quốc Hội.
- Biên bản phê chuẩn các Hiệp Ước và Hiệp Định Quốc Tế.

## II. SÁCH

- Nguyễn Văn Bông, Luật Hiến Pháp và Chính Trị Học,  
Saigon- Thư Lâm Ấn Thư Quán, 1969.
- Lê đình Chân, Luật Hiến Pháp và các Định Chế Chính Trị,  
Thủ Đức - Sao Mai, 1969
- Nguyễn Mạnh Hùng, Bang Giao Quốc Tế,  
Saigon - Hội Nghiên Cứu Hành Chánh, 1971

- Lưu Văn Bình, Bang Giao Quốc Tế,  
Saigon, Luật Khoa, 1971.
- Tăng Kim Công, Quốc Tế Công Pháp,  
Saigon, Luật Khoa, 1971
- Nguyễn Liên, Ngoại Giao và Nghi Lễ  
Saigon, Khai Trí, 1969.
- Dexter Perkins, Ngoại Giao Trong Thời Đại Mới,  
Nguyễn Ngọc Nha. dg. Saigôn, Việt Nam  
Khảo Dịch Xã. 1968.

### III.- LUẬN ÁN

- Nguyễn Xuân Lai, Tổng Quan Giữa Lập Pháp và Hành Pháp  
Theo Hiến Pháp Việt Nam Cộng Hòa ngày  
1-4-1967, Luận án, Saigon, Luật Khoa 1971.

### IV.- LUẬN VĂN

- Lê Quang Phô, Tổng Quan Giữa Lập Pháp và Hành Pháp,  
Luận văn, Saigon, Học Viện Quốc Gia Hành  
Chánh, 1968.
- Nguyễn Chí Vy, Nghiên Cứu Về Hiến Pháp 1967 của Việt -  
Nam Cộng Hòa, Tổng Quan Giữa Lập Pháp  
và Hành Pháp. Saigon, Học Viện Quốc Gia  
Hành Chánh, 1969.

### V.- CÁC TÀI LIỆU KHÁC

- Vương Văn Bắc. "Hoa Đàm Ba Lê"  
Tập San Quốc Phòng 1 (tháng 7/1970)  
trang 31-42.
- Nguyễn Quang Quỳnh, "Nguyên Tắc Bất Khả Kiềm Nhiệm Trong  
Quy Chế Dân Biểu Và Nghị Sĩ" Tập San  
Quốc Phòng, 2 (tháng 08/1970) tr. 31-47.

- Trần Văn Đố. "Nền Ngoại Giao Việt Nam Cộng Hòa, Bối Cảnh Và Các Vấn Đề", Tập San Quốc Phòng, 2 (tháng 08/1970) tr.31-47
- Nguyễn Mạnh Hùng. "Ngoại Giao HIên Đại". Tập San Quốc Phòng, 6 (tháng 12/1970) tr.120-134.
- Trương Hữu Lương. "Thủ Quan Nhiệm Một Chính Sách đối - Ngoại Cho Việt Nam Cộng Hòa". Tập San Quốc Phòng, 16 (tháng 10/1971) tr.36-73.
- Nguyễn Thị Phương Dung. "Một Quan Niệm Về Đối Sông Ngoại Giao" Tập San Quốc Phòng, 23 (tháng 5/72) tr. 94-111.
- Phạm Đình Hùng. "Tướng Quan Giữa Các Cơ Quan Công Quyền Trong Chế Độ Đệ Nhị Cộng Hòa Việt Nam". Nguyệt San Cấp Tiến, 37 (tháng 7 và 8/1972) tr.71-89.

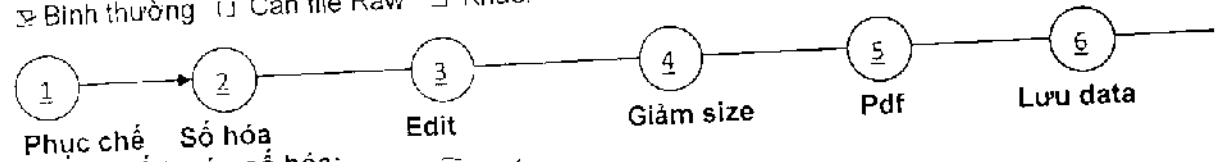




I. Thông tin về tài liệu

- Ký hiệu: L.V.H.C 646
- Loại tài liệu: L.A.
- Người giao: B.Đ.
- Hợp đồng       Kế hoạch
- Yêu cầu scan
- Bình thường     Cần file Raw     Khác:

Tên tài liệu: Tư duy... quản... lập pháp và  
 Kích thước, số trang: 73  
 Người, ngày nhận: 05.12.13      Hành pháp Trạng  
 Khác (tư nhân): lãnh vực ngoại  
giáo



II. Phục chế trước số hóa:

- Kỹ thuật: Thao tác máy ảnh

- Người thực hiện: ..... Thời gian: .....

III. Kỹ thuật số hóa áp dụng

- Camera. Người thực hiện: ..... Thời gian: ..... Kỹ thuật: .....
- Bookeyes. Người thực hiện: ..... Thời gian: ..... Kỹ thuật: .....
- Proserv. Người thực hiện: ..... Thời gian: ..... Kỹ thuật: .....
- Khác: ..... Người thực hiện: Đào Thời gian: 12.5.13 Kỹ thuật: .....

IV. Xử lý sau số hóa: (tên/ thời gian)

- Edit       Giảm size       PDF

IV. Lưu dữ liệu/ Biên mục

- Không phục vụ       Phục vụ hạn chế       Phục vụ rộng rãi
- Lưu dữ liệu (tên/ ngày lưu).....